NĂM THỨ TƯ — Số 149 Thứ năm 6 Juillet 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Một nhân vật lịch-sử... — Hoa-Bằng
* Tùy hứng — Mộng-Sơn — Tùng-Quân
* Ca dao của Tàu đời thượng cổ — Trúc-Khê
* Một quyển sách nói về hát bộ — Nguyễn-văn-Tố
* Đại nam dật sự (XXXV): Ngô-vương-Quyền — Ứng-hòe
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ — Nguyễn-văn-Tố
* Tơ duyên Dương liễu — Mộng-Tuyết
* Những ông nghè triều Lê (LXXXV) — Ứng-hòe
* Bản sách dẫn về Đại-nam liệt truyện (XIX) — Lê-văn-Phúc
* Bốn năm trên đảo Gac-ba — Vân-Đài
* Một cách chơi văn Kiều — Tùng-Thành Nguyễn-Nhún
* An-Tư, tiểu thuyết (II) — Nguyễn-huy-tưởng

0$50

MỘT NHÂN VẬT LỊCH-SỬ

đã làm những việc chuyển đất xoay trời sao lại không được chính sử nước ta chép đến?

HOA-BẰNG

Trong bộ *Việt Lam xuân thu* (1), tác-giả có nêu một nhân-vật lịch-sử tối quan-trọng, người ấy đã từng đóng một vai như Gia-cát Lượng ở đời Hán, đã từng gian nan trong mười năm trường để cùng Nguyễn Trãi giúp Bình định-vương Lê Lợi, với sức ủng hộ của dân-chúng, đánh đuổi giặc Minh, khôi phục đất Việt.

— Người ấy là ai ?

— Lê Thiện !

Lê Thiện là con Lê Thường, là em Lê Lợi, người làng Lam-sơn, huyện Ngọc lặc, Thanh hóa. Nguyên nhà họ Lê ấy có bốn anh em : trưởng là Lê Lai, thứ hai là Lê Lợi, thứ ba là Lê Thạch, thứ tư là Lê Thiện.

Theo *Việt Lam xuân thu* thì Lê Thiện « ... khi lên ba, biết nói đủ điều ; 15 tuổi, rộng thong các loại phần (2) điển (3), lâu *thao lược* (4) thao (5). Người bấy giờ gọi là thần đồng con. Cha mẹ chọn đôi lứa, Thiện không khứng, chỉ ưa đi chơi xem xét những nơi núi, sông, rừng rậm, kẻ chợ, nhà quê, sông, ngòi, suối, biển, đường đất gần xa ra sao, chỗ nào cũng ghi nhớ hết cả.

« Một hôm, đến chơi trang Lũng-ngoại, châu Tam-đới, Thiện thấy có người con gái của Lý Tự Thành, thái giám đời Trần, có vẻ mặt đoan trang, nết na thuần nhất Thiện ra ý bằng lòng, bèn tự mưu cầu lấy. Ông Lý yêu Thiện là người tài, liền gả con cho. Về sau, sinh được một trai, đặt tên là Khâm. Thiện dạy con học : tinh hiểu các sách kinh sử, thông bác cả địa lý thiên văn. Hai cha con cùng nổi danh ở đương thời... » *Việt Lam xuân thu*, quyển 1, tờ 10).

Đến năm mậu tuất, Bình-định-vương nguyên niên (1418), Lê Lợi định lập Lê Thiện làm chánh quân sư, Nguyễn Trãi làm phó quân sư để cả hai đều giữ quân quốc sự vụ. Nhưng Thiện từ tạ rằng : « Thiện này vốn là em của đại vương (Lê Lợi) há nên chuyên giữ binh quyền ? Xin theo làm việc ở quân trung, là đủ. » (*Việt Lam xuân thu*, quyển 2, tờ 70 a)

Trong mắt Nguyễn Trãi, Lê Thiện là người được Trãi rất trọng. Khi Lê Lợi nói khiêm tốn rằng « hiện nay môn hạ thuần là võ tướng, có dũng mà không có mưu, chưa thể hấp-tấp động binh được ; » thì Trãi thưa : « Ông Tư (chỉ Lê Thiện) nhà minh-công (chỉ Lê Lợi) là người mưu trí gồm đủ, sao gọi là vô mưu ? »

Lại có lần Nguyễn Trãi bảo Lê Lợi rằng : « Kiến thức ông Tư (Lê Thiện) hơn tôi gấp 10 lần. Xin Bệ hạ nhờ ông ấy giúp sức thì có thể tính xong được thiên hạ » (Việt Lam xuân thu), quyển 3, tờ 36 a).

Quả thế, cứ theo *Việt Lam xuân thu* thì Lê Thiện là người làm quân-sư cho Lê Lợi, nổi cách mệnh từ ngày còn Hồ Quý-Ly và Hồ Hán Thương.

---

(1) Chỗ tờ vẽ lưỡng long triều nguyệt lồng bốn chữ nhan sách thì đề là Việt Lam xuân-thu *; còn nơi mục lục và ruột từng tờ sách thì đề in là* Việt Lam tiểu sử. *Không rõ ai làm, vì tác giả không ký tên. Theo lời tựa của ông Lê Hoan đề ngày mồng một tháng 10, năm Duy-tân mậu-thân (1908) thì bộ* Việt Lam xuân thu *là do ông kiếm được ở trong tủ sách một nhà danh-gia, bèn đem đứng in mộc bản để hành thế.*

(2) Những sách của Phục-Hi, Thần Nông, Hoàng-đế, gọi là Tam phần, *nói về cái đạo cao cả.*

(3) Việc cũ gọi là « điển ».

« Rộng thông phần điển », ý nói Lê Thiện học rộng kinh sách.

(4) « Lược » tức là Tam lược, *tên binh thư của Tàu xưa, có ba quyển.*

(5) « Thao » Lục thao *: Văn-thao, Võ-thao, Long thao, Hổ thao, Báo thao, Khuyển-thao. Cũng là thứ sách sách quyển mưu của binh-gia Tàu. — « Lẫn thao lược thao », ý nói Lê Thiện tinh thông võ nghệ, giỏi mưu lược về việc dụng binh.*

Mà chính Lê Thiện đã dự vào việc đánh đổ nhà Hồ, rồi lại xoay chống quân Minh ngay từ khi Trưởng Phụ sang Nam lần thứ nhất.

Đến khi Lê Lợi đã có Nguyễn Trãi giúp thì Lê Thiện đóng giữ thành Lục-hoa, lúc nào cũng ủng hộ anh một cách chặt chẽ, nên đã sai tướng cứu được Lê Lợi thoát chết ở trận Trúc-viên (Tuanh-hoa).

Sau, vì từ chối không được, Lê Thiện phải tạm nhận cái chức phó quân sư, theo đuổi việc đánh Minh cho đến khi toàn thắng.

Về sau, công thành, thân thoái, Lê Thiện không chịu nhận một chức tước gì cả.

Mặc dầu cuốn *Việt Lam xuân thu* có tính-cách tiểu thuyết, nhưng tôi cũng đủ chứng cớ mà nói rằng Lê Thiện không phải là một nhân vật do nhà tiểu thuyết « chế tạo ».

Tại sao tôi dám quả quyết rằng Lê Thiện là một nhân-vật lịch-sử, chứ không phải là một « vai » do nhà tiểu thuyết tưởng tượng ra, bịa đặt ra ?

Là vì tôi căn cứ ở tài liệu trong sử Tàu.

Sách *Ngự phê lịch đại thông giám tập lãm* quyển 103, tờ 6b chép rằng : «... *Lê Lợi đệ Thiện công Giao-châu phủ...*», nghĩa là : *Thiện, em Lê Lợi, đánh phủ Giao-châu.*

Như vậy, Lê Thiện quả là một nhân-vật thực có.

Có lẽ tác giả *Việt Lam xuân-thu* đã dựa vào tài liệu sử Tàu mà trả lại cho Lê Thiện một địa-vị trên lịch sử ?

***

Có điều lạ là ngoài những sách như tôi đã nói trên, sử ta như bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* từ quển 13 đến 15 là chỗ chép về việc Bình-định-vương khởi nghĩa, Lê Thái tổ làm vua, không thấy chỗ nào nói đến tên Lê Thiện.

Mà đến bộ *Việt sử tổng vịnh* suốt cả mấy mục như *Tông thần* (quyển 3), *Hiền thần* (quyển 4), *Võ tướng* (quyển 7) cũng đều không thấy Lê Thiện ở đâu cả.

Vậy, tại cớ sao ? Xin chất chính cùng các nhà cao minh sử học.

HOA-BẰNG

MỘNG CỰ

tặng bạn cũ sông Hương

Mười mấy thu vàng héo tuổi mơ,
Hoa bay đường cũ, bóng ơ-thờ !
Nhìn mây núi Ngự trôi vơ-vẩn,
Theo nước sông Hương chảy lững-lờ,
Thân-thế, tàn rơi bao cánh mộng !
Tâm-tình, ngưng lại mấy giòng thơ.
Đi tìm hư-ảnh trên sông ấy,
Sương lạnh-lùng reo ánh nguyệt mờ !

MỘNG SƠN

Chàng đi

Một buổi sáng hơi sương còn đầm lá,
Chàng vội-vàng sửa-soạn mặc nhung y.
Kiếm bên mình hùng-dũng bước ra đi,
Vì nghĩa-vụ, tạm quên tình chăn-gối

Mé sau hiên ngựa hồng vừa dắt tới,
Lạnh-lùng chào một tiếng, nhảy lên yên.
Buồn chia-ly, em lẳng-lặng đứng nhìn
Bóng chàng khuất sau những làn sương bụi.

Những ánh hồng thướt tha sau rặng núi,
Tiễn đưa người chiến-sĩ tới thành công.
Nẻo xa-xa phơi-phới áng mây hồng,
Em tưởng-tượng bóng chàng đang tiến bước.

Trên cành sanh chim vui ca ròn-rã,
Như bảo em : «Nàng hãy gắng vui tươi,
Để chàng mang khí-phách hiến cho đời,
Rồi mai mốt khải-hoàn đà hội ngộ.»

Em vui sướng tắm nắng vàng rực-rỡ,
Nhẹ-nhàng ngâm những khúc « Anh-hùng ca ».
Mắt mơ màng nhìn trời thẳm bao la,
Lòng cầu nguyện cho chàng mau thắng trận

TÙNG QUÂN

CA DAO CỦA TÀU ĐỜI THƯỢNG CỔ

TRÚC-KHÊ

Ca dao của Tàu khởi có từ bao giờ ?

Ta có thể nói không cứ một nước nào, khi tiếng nói đã tạm có để dân hùng dùng, thì ca dao tức thời nẩy nở. Có người hỏi ông Chu tử : « Tại sao mà có nhiều ca dao ? » Ông nói : « Người sinh vốn tĩnh, đó là tính trời. Cảm vì vật ngoài mà rung động, đó là mối dục của tình. Đã có mối dục thì không thể không nghĩ, đã nghĩ thì không thể không nói, đã nói thì khi lời nói ra không hết, phát ra giọng ngâm ngợi thở than, tất thành những âm hưởng điệu nhịp tự nhiên mà không ngờ được, ấy ca dao sở dĩ có là vì như thế. »

Coi vậy thì loài người hễ có tiếng nói là có thể có ca dao.

Nước Tàu khai hóa rất sớm, tiếng nói có đã từ lâu, thì ca dao nẩy sinh lẽ cũng đã từ lâu lắm. Song những câu ca dao về đời tối cổ, nghĩa là từ khoảng nhà Hạ nhà Thương trở về trước, không còn sách nào biên chép, nên không thể khảo mà biết được. Cuối cùng về đời nhà Chu, nhờ bộ *kinh Thi* của Khổng phu tử san định mà lưu lại, nên ngày nay còn được thấy 160 bài ở ái phần *thập ngũ quốc phong* (phong-dao của 15 nước). Xem những ca dao này thật có nhiều bài rất hay, đủ cả những lời mừng giận vui, buồn, đủ những giọng ngợi khen, chê mỉa, đều tả được hết những tình tình thành thực tự nhiên của nhiều từng lớp xã hội, mà trong đó về đường văn học, cũng có một cái giá trị rất đáng kể. Nay xin trích dịch một ít bài ca dao ấy ra đây để các bạn đọc sau khi đọc số Tri-Tân đặc-san về *ca dao Việt-nam*, được biết đổi chút thi vị những câu ca-dao cổ của Tàu thế nào.

Bài cát đàm, 3 chương :

Bài này ở thiên *Chu-nam*, lời của bà Hiền-phi là vợ vua Văn-vương, nói việc trị dầy sẵn để dệt nên vải mặc.

« Cát chi đàm hề,
Dị vu trung cốc.
Dụng diệp thê thê,
Hoàng điểu vu phi,
Tập vu quan mộc,
Kỳ minh dê dê.»

Dịch :

Lá non mơn mởn
Dông dài lê thê,
Trong hang sơi sẵn bò lê bò quàng.
Tung bay kia cái oanh vàng,
Chèm cây đậu xuống kêu vang bốn bề.

Chương này nói trước khi trị sẵn dệt vải.

Cát chi đàm hề,
Dị vu trung cốc.
Dụng diệp mịch mịch,
Thị nghệ, thị hoạch,
Vi hu, vi khích,
Phục thì vô dịch.

Dịch :

Lá mau xin xít,
Dây dài lê thê,
Trong hang sơi sẵn bò lê, bò quàng.
Cắt về nấu dệt mịn màng,
Vải to vải nhỏ quản chàng, áo cần.

Chương này nói khi trị sẵn và dệt ra vải.

Ngôn cáo Sư thị,
Ngôn cáo ngôn quy.
Bạc ở ngã ty,
Bạc cản ngã y.
Hạt cản, hạt phủ ?
Quy ninh phụ mẫu.»

Dịch :

Có lời ngỏ với Nữ-sư,
Trình thưa hộ thiếp cáo từ về quê
Áo xiêm giặt giũ mọi bề,
Có cha, có mẹ, phải về viếng thăm.

Chương này nói sau khi đã làm thành vải, may nên áo.

***

Bài Hán quảng, 3 chương, trích dịch một

Bài này cũng ở thiên *Chu-nam*. Nguyên phong tục ở miền sông Giang sông Hán, con gái thường đi chơi rong, rồi gây nên những việc dâm đãng. Từ khi miền ấy nhuần thấm đức hóa của vua Văn-vương thì cái thói ấy đổi đi được : con gái đi chơi, bọn con giai trông thấy biết là không thể trêu ghẹo được như trước, nên làm ra bài này. Hai câu đầu ở chương trích ra dưới đây là lời khởi hứng, bốn câu cuối là lời nói ví, lấy sông Giang sông Hán để ví với những người con gái.

« Nam hữu kiều mộc,
Bất khả hưu tức.
Hán hữu du nữ,
Bất khả cầu tri.
Hán chi quảng hỉ,

Bất khả vịnh tư ;
Giang chi vĩnh hỹ,
Bất khả phương tư.»

Dịch :

Cây trọc bên nam,
Nghỉ ngơi sao được.
Cô nàng sông Hán,
Khôn bề mơ ước.
Lội qua chẳng thể :
Song Hán mênh mông.
Bè qua chẳng thể :
Sông Giang dài lòng.

***

Bài Hàng lộ, 3 chương

Bài này ở thiên *Thiệu-nam*. Người phương nam nhuần thấm đức hóa của Văn-vương, con gái giữ giá mình trong sạch không chịu để những kẻ cường bạo dâm ô, vì thế làm ra bài này để tỏ chí mình và để cự tuyệt kẻ cường bạo.

« Yếp ấp hàng lộ,
Khởi bất túc dạ,
Vị hàng đa lộ.»

Dịch :

Đầy đường móc lạnh đầm sa,
Đi khuya về sớm chân ta ngại ngùng
« Thùy vị tước vô gốc,
Hà dĩ xuyên ngã ốc ?
Thùy vị nhữ vô gia,
Hà dĩ tốc ngã ngục ?
Tuy tốc ngã ngục,
Thất gia bất túc »

Dịch :

Ai rằng chim sẻ không sừng,
Nóc nhà ta ở nỏ từng xuyên qua.
Hẳn mày có lẽ thất gia,
Cho nên mình ngục đưa ta vào tròng ?
Dù gây tình ngục mặc lòng,
Lễ nghi hôn phối vẫn không có gì.
« Thùy vị thử vô nhà,
Hà dĩ xuyên ngã đường ?
Thùy vị nhữ vô gia,
Hà dĩ tốc ngã tùng (tượng)
Tuy tốc ngã tùng,
Diệc bất nhữ tòng.»

Dịch :

Ai rằng con chuột không nanh,
Cớ sao đục thủng tường lành nhà ta ?
Hẳn mày có lẽ thất gia,
Cho nên kiện cáo đưa ta vào vòng.
Dù gây kiện cáo mặc lòng;
Lễ chưa đủ lễ ta không theo mày.

***

Bài Cốc phong, 6 chương trích một

Bài này ở *Bội-phong*. Người đàn bà nước Vệ bị chồng phụ bạc yêu vợ lẽ mà chồng bỏ mình, nên làm ra bài này để tỏ tình bi oán.

« Ngã hữu chi súc,
Diệc dĩ ngự đông,
Yến nhĩ tân hôn,
Dĩ ngã ngự công.
Hữu quang hữu hội,
Kỷ di ngã dụng.
Bất niệm tích giả,
Kỳ dư lai ký »

Dịch :

Miếng ngon em cất để dành,
Lúa đông tháng giá nuôi anh thường ngày,
Phong lưu duyên mới vui thay,
Liết xơ buổi trước gái này lo toan.
Thôi đừng đánh mắng em oan,
Tấm thân chín nỗi gian nan đã đày.
Nhớ chăng khi mới sum vầy,
Khi em mới tới nhà này làm sao ?

***

Bài Tướng thủ, 3 chương

Bài này ở *Dụng-phong*. Người ta làm ra để chê người không có lễ phép lịch sự. Ba chương nói lấy đi lấy lại.

Tướng thử hữu bì,
Nhân nhi vô nghi.
Nhân nhi vô nghi,
Bất tử hà sĩ ?»

Dịch :

Chuột kia còn có lần da,
Người không phép tắc sống mà làm chi.
« Tương thử hữu xỉ,
Nhân nhi vô chỉ.
Nhân nhi vô chỉ
Bất tử hà sĩ ?»

Dịch :

Chuột kia còn có hàm răng,
Người không lịch sự vào sẵng cho rồi
Tương thử hữu thể,
Nhân nhi vô lễ.
Nhân nhi vô lễ,
Hà bất xuyên tử ?»

Dịch :

Chuột kia còn có chân tay,
Người không lễ độ chết ngay cho rồi

***

Đó là chúng tôi trích dịch ra mấy bài để các bạn đọc được thấy những tình tình, ý tưởng và giá trị văn học trong các câu ca dao của Tàu đời xưa chép trong *kinh thi* như thế. Bộ *kinh Thi* đã do đức Khổng sửa dọn kỹ càng đem họp lại những câu hát xưa rồi, bỏ bớt phần trùng phức, xếp lại phần lộn xộn, câu nào mà đều lấy không đủ làm mẫu, điều gì không đủ làm răn, cũng loại bỏ đi, làm thành một bộ sách tốt để đem dùng vào việc giáo dục. Cái kho ca dao phong phú của nước ta cũng rất có cái giá trị đủ để dọn thành một pho sách giáo-dục như thế. Pho sách ấy nó sẽ có ích cho ta cả về mọi đường luân-lý, sử-học và văn học. Vậy nào ai là người noi theo ngọn bút của Khổng-tử, san-định thành pho kinh thi của nước Việt-nam ?

THỨC-KHÊ

Một quyển sách nói về hát bội

Ông-hóe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hồi tháng mười tây năm ngoái ông Đoàn-Nông, giáo-sư trường Khải-định ở Huế, có ra một quyển sách tên là *Sự tích và nghệ thuật HÁT BỘI*, in ở Hà nội trong « Văn-học tùng-thư » của nhà Mai-lĩnh, được 321 trang, khổ giấy 12×18. Có phụ thêm độ hai chục bức tranh, vẽ những mũ áo, xiêm giáp, và cách đồm xuyết của nghề hát bội như vẽ mặt Quan-công thì đỏ, mặt Bao-công thì đen, v.v.

Sách chia ra ba chương: chương thứ nhất nói về gốc-tích và những cái hay cái khéo của nghề hát-bội; chương thứ hai thuật qua những lớp tuồng thường diễn; chương thứ ba sao lại những lớp tuồng hay xưa nay vẫn đem diễn, thành một quyển sách vừa khảo-cứu vừa trích-diễm. Lời văn giản-dị hoạt-bát, thuần một giọng ta, không nhiễm lời văn Tây hoặc văn Tàu: quốc-ngữ mà được như thế, đã là có công lắm.

Duy có một vài chỗ tên người tên đất của Tàu, ông Đoàn-Nông viết bằng tiếng Quan-thoại, e rằng người Nam ta xem đến, khó hiểu. Như trang 22 có câu: « Trong lễ Nam-giao xưa, người Tàu có một kiểu múa gọi là ta-chao ». Chữ « ta-chao » ấy có lẽ là *Đại-chiêu*, là một thiên ở *Sở-từ* của Khuất-Nguyên làm ra; có người nói của Cảnh sát, nhưng không lấy gì làm chắc; vì lúc bấy giờ Khuất-Nguyên bị đầy chín năm, sợ không sống nổi, thì việc làm không xong, chỗ nên nổi giận làm bài Chiêu hồn, khen nước Sở là vui, tôn quý đức trạch của Hoài-Vương Tương-Vương nước Sở, ví với đời Tam-Vương biết dùng người hiền, các công khanh biết minh-sát, tiến cử người giỏi, để giúp đỡ nhà vua, mong được thịnh-trị; nhân thế để can vua Sở cho toại chí minh (*Sở-từ*, 9-10, tờ 1 a). Khuất-Nguyên đặt ra thiên *Đại chiêu*, ngụ ý mong vua nước Sở tỉnh lại.

Cũng trang 22 ấy có câu: « Đời nhà Hán có bọn Houang-men-Tchang 145 người hát và múa; sách Sử-ký của Tư mã Thiên nói rằng đời vua Hán Vũ-đế có thứ trò Kiao-ti-Ki thịnh hành lắm » Dưới chữ « Houang-men-Tchang », nên chua chữ « Hoàng-môn-Tràng », dưới chữ « Kiao-ti-Ki » nên chua chữ « Giao-tự-cơ » và chua nghĩa là « Bài hát trong khi tế Giao »; nếu không giải nghĩa thì cũng nên chua ba chữ « Giao-tự-cơ » thì mới bổ ích cho người xem.

Đến trang 23 có câu: « Người ta truyền rằng vua Lan-ling rất giỏi về thao lược » và câu: « Trong sử còn có chuyện vua Tchouang-Tsong lên sân khấu diễn tuồng với con hát » Dưới chữ « Lan ling » nên chua chữ là « Lan-lăng » và nên nói qua lịch-sử Lan-lăng-Vương (đấy là tước vương, tức như tiếng ta gọi là chúa, chứ không phải vua). *Bắc-Tề-thư* chép rằng: Lan-lăng Vũ-Vương tên là Trang-Cung, con thứ tư Văn-Vương. Sau khi bị thua ở Mang-sơn, Trang-Cung đem năm trăm quân Kỵ lại tiến vào đất Chu, đi đến dưới Kim-dung, thì bị vây; những thổ-nhân trong thành không ai biết, Trang-Cung phải chụt mũ xuống để cho người ta thấy mặt, thổ-nhân bèn xuống tay nỏ để cứu; bấy giờ Trang-Cung được to, quân sĩ cùng hát, gọi là *Lan-lăng-vương nhập trận khúc* nghĩa là « khúc hát khi Lan-lăng-vương vào trận ». Cứ trong chuyện thì Lan-lăng-vương chụt mũ cho dân thấy mặt, mũ trụ tức là mũ sắt dùng khi chiến-tranh che kín mặt để đỡ tên, đạn, chớ không phải mặt nạ như tác-giả nói. Còn dưới chữ Tchouang-Tsong » nên chua chữ Trang-Tông » (923-925).

Trang 24, ông Đoàn-Nông viết chữ « vua Kouang-Tsong 1190-1194 » và « Hoàng-hậu Tseu-hi ». Dưới chữ « Kouang-Tsong » nên chua chữ « Quang tông ». và dưới chữ « Tseu-hi » nên chua là « Từ-hi ». Cũng nên nói qua chuyện Từ-hi vì Từ-hi là người gần đây, nhiều người biết chuyện hoàng-hậu sinh ngày 17 tháng 11 năm 1834, mất ngày 15 tháng 11 năm 1908, là vợ văn-tông (Hàm Phong) mẹ Mục tông (Đồng-trị), trong hai triều Đức-tông (Quang-tự) và Mục-tông (Đồng-trị) hoàng-hậu cầm quyền chính-trị nước Tàu, trước sau hơn bốn mươi năm. Lúc đầu dùng bọn Địch-Hân thì chính-sự trong triều-đình được thanh minh; từ năm mậu-tuất (1898) chính-sự thay đổi, yên trí Đức-tông ở Doanh-đài, dùng bọn Tái-kỳ, đến nỗi nhân-tâm li tán, Mãn Thanh mất nước, thiên-hạ đều xem quyển G. Ché-sou *Tseu-hsi* đồ tội cho Từ-hi bộ *Les jemmes illustres* trong câu Từ-hi « ưa hát bộ

đến nỗi gần lên sân khấu...»: chữ « gần » ấy không đúng lối chép sử.

Đây là nói về mấy chữ Tàu ông Đoàn Nông dùng quan-thoại. Đến tiếng ta thì ngay chữ « hát bội » là tên sách, ông đồ là « hát-bộ », rồi rằng nghĩa bộ « là bước đi, đi bộ » hát bộ là vừa hát vừa đi, và làm, bộ-tịch để biểu-diễn cảm-giác, cảm-tình với câu hát ». Nguyên chữ ấy xưa nay ta vẫn quen gọi là « hát bội » ; bội chính nghĩa là sau lưng, là mặt trái, nghĩa bóng là làm lại xem như các ông đồ nho ngày xưa dạy học-trò, năm ngày hoặc mười ngày có một kỳ học ôn và viết bội-độc, nghĩa là cho học ôn, lại mấy bài hôm trước, rồi bắt phải nhớ mà viết ra không được trông vào sách : thế thì hát bội cũng là nhớ những điển-tích cũ mà diễn lại. Nhưng chưa biết nghĩa nào là phải ; dù sao, ở tên sách, không nên vội chữa như thế, có thuốn bắt bẻ gì, nên nói ở trong sách thì hơn. Vẫn biết rằng xưa nay quen nghe chữ « bộ », bây giờ thấy viết chữ « bộ », thì cũng tưởng là mất chữ *i* mà thôi, chớ không quan hệ gì : Nhưng những chữ quá nghề như thế không nên đổi. Xem như tiếng Pháp có chữ « terre-plein » nghĩa là cái nền ở trong hai tường thành, vì là chữ riêng của nhà nghề, nên tự-vị Littré chỉ chua plein là nhầm : chính phải viết plain mới đúng, vì chữ plain vốn là chữ la-tinh, ở chữ planus nghĩa là phẳng, không phải ở chữ plenus nghĩa là đầy. Song chữ « terre plein » đã thông dụng không đổi là « terre-plain»; dù nhầm cũng không nên đổi kẻo người ta cho là lập dị.

Thống chế Pétain đã nói :

Thất bại trong những trận giao tranh oanh liệt và đứng một mình trước số mệnh khắt khe, nước Pháp ở trong những trường hợp ấy đã tự kiếm lấy lý do để tăng lòng quả cảm và gìn giữ sự tin tưởng ở tương lai.

Đến trang 45, ông Đoàn-Nông nói xiêm-giáp của phường hát bội giống xiêm giáp của các quan : câu ấy không chắc đúng, vì hát bội là diễn lại sự-tích cũ, đã diễn lại thì tất nhiên Phục-sức phải hơi giống, hơi giống chứ không tuyệt giống. Còn như ông nói có người bảo rằng xiêm giáp của phường hát bội bắt-chước trào phục đời Hán cũng không lấy gì làm chắc, vì cứ theo sử Tàu, đời Hoàng-đế đã biết chế mũ miện và áo mũ huyền, xiêm mũ vàng, xét ra đời Hoàng-đế trước kỷ-nguyên đến hơn hai nghìn năm, mà cái kiểu mũ miện ấy chính đức Khổng tử đã có câu khen mà đến nay vẫn ta thấy còn dùng, vậy thì ta theo văn-hóa Tàu ngày nào tức là ta theo kiểu phục-sức từ ngày ấy, chứ không phải từ đời Hán.

Giá ông Đoàn Nông lấy sách tây ra mà thám khảo, thì quyển của ông được đủ hơn. Sách L. C. Arlington, *Le théâtre chinois depuis les origines jusqu'à nos jours*; Tsiang Un-kai, *K'ouen k'iu, Le théâtre chinois ancien* ; A. Jacovleff và Tchou Kia-kien, *Le théâtre chinois* ; G. Soulié de Morant, *Théâtre et musique moderne en Chine* v.v., là những sách tra khảo về nghề hát bội của Tàu, có nhiều đoạn rõ ràng lắm, nghề hát-bội của ta cũng như nghề khác, là theo tàu, nên cần phải phần nhiều so sánh.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đã có bán

NGÔ VƯƠNG QUYỀN

Lịch sử Ký sự mới của TRẦN THANH MẠI

Những giai-đoạn oanh liệt lý-kỳ trong đời một vị đại anh-hùng Việt Nam — Cuộc chiến đấu phường ngừng của thiện với ác — cũng là sự giao-vật mâu dịch giữa tiền chế tổ quốc Việt Nam — Bài hịch đánh quân Nam Hán — Trận bạch đằng giang

Sách dày 250 trang. Giá 4$50

TÂN VIỆT — 29 — LAMBLOT — HANOI

Còn một ít

Vương dương Minh — 13$80
Nguyễn văn Siêu — 2$00
Truyện dị thường quyển II — 4$50
Chinh trị đại cương — 3$70
Triết học Descartes — 4$50

Sắp phát hành

Hát dặm Nghệ Tĩnh của Ng. đồng Chi
Thơ Đỗ Phủ bản dịch của Nhượng Tống

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 85 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Ngô Vương Quyền

Sử ta khen Ngô Quyền là người biết báo thù cho cha, trả nợ cho nước, nhất cử lưỡng đắc, công tư hai việc vẹn toàn, thật đáng lưu phương thiên cổ.

Ngô Quyền là người làng Đường-lâm, thuộc châu Phong (nay là xã Cam-lâm, huyện Phú-thọ, tỉnh Sơn-tây), đời đời là nhà quý-tộc, cha là Ngô Mân làm quan mục châu Phong. Tương truyền khi sinh Ngô-Quyền, có ánh sáng đầy nhà, trạng mạo khác thường, trên lưng có bọc nốt ruồi; thầy tướng xem lấy làm kỳ-dị, bảo ngày sau tất làm chủ một phương, bèn đặt tên là Quyền. Đến khi lớn, mặt mũi khôi ngô, mắt sáng như điện (chớp) dáng dì khoan thai như hổ, có trí dũng, sức có thể nhấc vạc tay không. Khi Dương-diên-Nghệ đặt trường giao-diệt (bọc vật), không ai địch nổi Ngô Quyền » (*Khâm định việt sử, tiền biên*, q. 5, tờ 18 a, và *Đại-việt sử-ký cải lương*, q. 4, tờ 61 a)

Đây là theo sử chữ nho; nhưng không cứ phương đông hay phương tây, phàm người tài-giỏi, thì thường nói là có hào-quang; duy có nốt ruồi là điểm riêng của phương đông, phương tây không nói đến. Bài này là « dật-sự » nên chép ra để nghe cho vui. Chính thực ra chép như thế không phải, vì nếu lúc mới đẻ, giời đã sinh ra điềm lạ, thì còn gì là tài-giỏi nữa? Vậy lẽ chỉ nên chép Ngô Quyền là người khôi-ngô, có trí dũng, thế thôi.

Ngô Quyền bắt đầu làm Nha-tướng của Dương-đình-Nghệ (sử ta và sử tàu đều chép là Dương-đình-Nghệ, duy *Khâm-định Việt-sử* của ta và *Cương-mục* của Tàu chép là Dương-diên-Nghệ).

Nghệ thấy tài giỏi, đem lòng yêu, gả con gái cho, sai coi châu Ái.

Đến khi nghe Kiều-công-Tiễn giết Dương-đình-Nghệ, bèn khởi binh ở châu Ái, để giết Công-Tiễn, khởi binh vào tháng 12 năm mậu-tuất (938) tức là năm thứ ba niên hiệu Thiên-phúc đời Tấn Cao tổ bên Tàu.

Công-Tiễn nghe Ngô-Quyền khởi binh, sai sứ đem của hối-lộ để cầu cứu với Nam-Hán: chúa Nam-Hán là Lưu-Cung (tức Lưu-Nham, sau đổi là Cung, sau lại đổi là Nghiễm) muốn thừa cơ nước ta có loạn để xâm-lấn bèn phong cho con là Hoằng-Tháo, nguyên-nước vạn-vương đổi phong làm giao-vương, lĩnh chức Tĩnh-hải-quân tiết-độ sứ, đem quân sang cứu Công-Tiễn, còn Lưu-Cung thì đóng quân ở cửa bể để làm cứu-viện. Khi đi, Lưu-Cung có hỏi mưu-kế ở Sung-văn-sứ là Tiêu-Ích, Tiêu-Ích thưa rằng: « Độ này mưa dầm đã lâu ngày, đường bể hiểm trở xa xôi, Ngô-Quyền là người kiệt-hiệt chớ nên khinh thị. Đại-quân nên phải tri-trọng, phải dùng nhiều hướng-đạo, rồi thẳng tiến binh ». Lưu-Cung không nghe, sai Hoằng-Tháo đem thuyền quân từ sông Bạch-đằng đi vào. Lúc ấy Ngô-Quyền đã giết Công-Tiễn, nghe Hoằng-Tháo sắp đến, bảo tướng tá rằng: « Hoằng-Tháo là một đứa ngây dại (sơ nhi), đem quân đường xa đến, sĩ tốt mỏi mệt. Lại nghe Công-Tiễn đã chết, không người nội-ứng, cái kế mạnh đã bị nhụt, ta thừa cơ lấy sức thong thả đối-địch với sức đã nhọc mệt, chắc là được. Nhưng kẻ kia giỏi về quân thủy, nếu ta không phòng bị trước, thời cái thế được thua cũng chưa biết chừng. Nếu sai người ra cửa bể trước, (tức Bạch-đằng) giồng ngầm cọc lớn, vót nhọn đầu, bịt sắt, thuyền kẻ kia theo nước thủy triều bơi vào trong cọc, rồi sau mới dễ trị, không có mưu-kế nào hơn thế ». Bấy giờ mới sai người ra giồng cọc ở cửa bể Bạch-đằng. Khi thủy-triều lên, Ngô-Quyền sai người đem thuyền nhẹ khiêu chiến, giả cách thua. Hoằng-Tháo quả nhiên đem hết quân đuổi theo, thuyền Nam Hán theo thủy-triều tiến vào hết cả. Ngô-Quyền bèn ra quân đón đánh; thủy triều lui rất chóng, thuyền đều bị vướng cọc ủp hết... Trong khi hoảng-hốt quân sĩ chết đuối quá nửa. Ngô Quyền thừa thắng tiến đánh, bắt Hoằng-Tháo giết chết. Lưu-Cung than khóc rồi thu nhặt những quân sống sót đem về (*k-đ v-s*, tiền biên, q. 5 tờ 18 a đến 19 a, và *Đại-việt sử-ký*, tiền biên, q. 7, tờ 3b và 4a).

Đại-việt sử-ký cải lương, (tờ 61b) bàn rằng: « Hoằng-Tháo vượt khỏi nước, đi xa ra ngoài biên-chương, đó chỉ giết Công-Tiễn không? Không, cốt thừa cơ lấn đất Nam đô thôi. Ngô-Vương đánh một trận ở Bạch-đằng, oai-thanh lừng-lẫy, giết Hoằng-Tháo là còn được đất nước Nam đấy. Từ bấy giờ trở đi Tĩnh-hải-quân không chiếm lấy đất đô-hộ nữa, sông Lô non Tản rõ-ràng là cơ-nghiệp cho Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê lâu dài. Ấy trận này là cội gốc đó! Võ-công tốt đẹp, rực-rỡ nghìn xưa, không những khoe khoang một thời bấy giờ mà thôi đâu! »

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tài-liệu để đi[illegible]h những bài văn cổ

Số 57

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều

(bài nối)

Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh in lần thứ sáu năm 1920, chép câu 1373 và 1374 như sau đây: « Chiếu hoa sắp sẵn hai bài ; Cậy người thầy-thợ, mượn người đò-la » (ở trang 94). Đến bản in năm 1943 do thư-xã Alexandre de Rhodes xuất bản (trang 344) thì hai câu ấy chép là « Chiếu hoa sắp sẵn hai bài, Cậy tay thầy thợ, mượn người đò la » : hai câu ấy mới đúng với bản chữ nôm. Nguyễn Thúc-sinh đã đem Kiều giấu một nơi, nói dối là đến nghỉ mát ở nhà Vệ hoa đường, rồi sau Bộ-Tán đến dụ Tú-bà. Lẽ không bằng lòng cho chuộc thì sẽ kiện Tú-bà dỗ người lường-thiện lấy nghề kỹ-xướng : « tức là « chiếu » ; nếu cho chuộc thì rút đơn ra, tức là « hoa » ; « thầy-thợ » là Vệ-hoa đường, « đò la » là Bộ-Tán (theo quyển *Vương Kim diễn tự* bản sao của Bác-cổ, số A B 231, tờ 40 a).

— Bản quốc-ngữ (tr. 91), và Kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (tờ 35 b), và *Vương Kim diễn tự* đều viết « Hoàn-lương một thiếp thân vào cửa công » ; phường-bản Quan-văn-đường (tờ 44 a) viết là « Hoàn nguyên » : chữ ấy nhầm, có lẽ cho là chuộc theo nguyên-giá, nên mới dùng chữ « nguyên » ; chính chữ « hoàn-lương » mới phải ; chữ Hán có câu « Kỹ giả nhân vị hoàn-lương », nghĩa là kỹ-nữ lấy được chồng gọi là hoàn-lương ; nghĩa đen hoàn-lương là trở về lương-thiện.

— Các bản đều viết : « Hương càng đượm, lửa càng hồng, Càng xôi vẻ ngọc, càng lồng màu sen » ; duy bản *Vương Kim diễn tự* (tờ 40 a) viết : « Hương càng ngát, lửa càng nồng, Càng tôn vẻ ngọc, càng lồng màu sen ». Có lẽ chữ « tôn » hay hơn.

— Bản quốc-ngữ (tr. 95 viết : « Giận thu vừa lấy rỡ sương, Xe bồ đã thấy xuân đường đến nơi » Phường-bản và *Vương Kim diễn tự* viết : « Trậu thì vừa nẩy rỡ sương, Gối yên đã thay thôi-đường đến nơi » Kinh-bản viết « chồi sương » và « chồi yên ». Chữ « trậu » trên kia là tiếng Nghệ nói cái giậu, kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* đều dẫn thơ : câu này tả cảnh thu ; câu dưới nói thân phụ Thúc-sinh tới nơi ; khi mới đến, mà xuống ngựa, thì « chồi yên » phải hơn là « gối yên ».

— Câu « Phong-lôi nổi trận bời bời, Nặng lòng e-ấp tình hai phân-chia. Quyết ngay biện bạch mộ bao, Dạy cho mà phẫn lại sổ lầu xanh ! » đây là nói bố Thúc-Sinh thấy Thúc-Sinh lấy kiều, bắt phải bỏ thế mà lại « Nặng lòng e ấp » ! Cụ Kiều-oanh-Mậu nói tại Hoạn-thư là con gái tể tướng, nên dùng chữ « e-ấp ».

— Quốc-ngữ, phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Bác-cổ, số A B 231, q. 2, tờ 24 a) đều viết : « Lượng trên quyết chẳng thương tình ». Kinh-bản (tờ 36 a) và *Vương Kim diễn tự* (tờ 40 b) viết là : « Lượng trên đầu chẳng thương tình » : chữ « đầu » phải nghĩa hơn.

— Quyển quốc-ngữ (tr. 95) chép : « Bạc-điền thoại có tiếc mình làm chi ! » rồi chua rằng : « Bạc là đi trầm mình, điền là thất cổ (Bắc-thủy điền-vẫn). Bạc đen cũng có nghĩa (Bạc tình hắc tâm). » Các bản nôm đều theo nghĩa « bạc đen » cả.

— Quyển quốc-ngữ và quyển Quan-văn-đường (tức phường-bản) viết là : « Sốt gan ông mới cáo qui cửa công ». Quyển *Kim Vân Kiều chú* viết là « Cáo bề cửa công ». *Vương Kim diễn tự* viết là « đơn qui ». Kinh-bản viết là « thân qui ». Mấy chữ cùng không nghĩa nhau ; nhưng theo kinh-bản đọc là « thân qui » thuận nghĩa hơn : theo lối việc quan, người dưới đưa lên người trên gọi là « thân », nghĩa đen là đuổi ra nghĩa bóng là bẩm, là trình thưa.

— Các bản đều viết : « Song song vào trước sân hoa lạy quì ». Kinh bản (tờ 36 a) viết chữ « rỉ » và chua hữ « rỉ » nghĩa là rả-rích : có lẽ cho nghĩa hai người cùng quì ; nhưng khó đọc lắm.

— Quốc-ngữ và phường bản viết là « Ba-cây chập lại một cành mẫu-đơn » Kinh bản và *Vương Kim diễn tự* viết : « Ba cây đóng chặt » ; chữ « đóng chặt » phải hơn, bởi vì ba cây là cái gông : trong khi ra hình, thì dùng chữ « đóng », chữ « chặt » mới phải ; nếu mới « chập lại » thì không hợp với câu « Cứ phép ra hình » ở trên

— Bản quốc-ngữ in năm 1920 (tr. 96) viết « Đào thân nhỏ nặt, liễu tan-tác mày ». Kinh bản (tờ 36 b) viết : « Đào nhân-nhỏ mà ». Quốc-ngữ năm 1943 (Alexandre de Rhodes, tr. 355) và phường-bản (tờ 45 b), *Vương Kim diễn tự* (tờ 41 b) đều viết : « Đào hoen-quẹn má ». Kể ra chữ « nhân-nhỏ » mới hợp với câu trên là câu 1427 : « Phận đành chi dám kêu oan ! » ; còn chữ « hoen-quẹn » có khóc mới đúng

Bản quốc-ngữ và phường-bản chép câu 1433 là : « Khó-rằng ! Oán-khốc vì ta ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là : « Oan-khổ » ; câu này chữ « khốc » hay hơn. Có lẽ sợ trùng với chữ « khóc » ở trên, cho nên chữa là chữ « khổ ». *(Còn nữa)*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tơ duyên Dương liễu

Bắc nam nghìn dặm nên quen, sao mới trăng non, ly hoài,
thơ Dương liễu chép nên, nét vẽ còn ghi duyên tế ngộ.
Sự nghiệp trăm năm lỡ hẹn, vàng dư ngọc sót, truy niệm,
báo Tri-Tân dở lại, giọt sầu đẫm ướt lập văn chương.

Kính viếng hương hồn anh Lê Thanh.

MỘNG TUYẾT

Cách đây đã năm năm. Năm năm mà còn nhớ rõ như mới hôm nào.

Hôm đó là một ngày to lớn của Hà-nội. Từ ngoài biên thùy mới bắt đầu đưa lại cho đất kinh thành một mùi đêm-sinh mới bén. Lòng giải đất này mới biết nhôn nhao. Lòng người cũng mới biết nhôn nhao. Trời đất hôm đó, nhìn có một màu sắc lạ.

Hôm đó là hôm đầu tháng chín 1939. Mấy câu mở lời bản ngâm khúc của Đặng Trần-Côn tự nhiên được mọi người nhớ tới.

Ở một hiệu ăn nhỏ phố hàng Da anh K và anh C. đã tổ chức một bữa ngọ phạn. Trong lúc các bạn vội vàng chuốc chén rượu đưa bạn quay về Nam thì anh Lê-Thanh bước vào.

Là một văn nhân tầm-thước, nhã nhặn, đêm dúa và đứng-đắn. Đôi kính trắng học giả đi trên khuôn mặt đẹp và hiền của một thư sinh thời cổ.

Cuộc hội ngộ lật đật và ngắn ngủi cũng như ngày giờ của khách qua Hànội mấy hôm đó. Một cái bắt tay, mới vài ba câu chuyện, anh Lê Thanh kỷ tặng bạn Hà tiên quyển *Thi-sĩ Tản Đà* để « kỷ niệm cuộc gặp gỡ đầu tiên ở Hà-nội ».

Rồi thì anh đi sở, còn bọn Hà tiên chúng tôi thì lếch thếch sắp sửa khăn gói để lên chuyến xe tốc hành về Nam ngay chiều hôm đó.

Anh Lê Thanh không dành được nhiều ngày giờ cho bạn phương xa, mà bạn phương xa cũng không thể lưu luyến đất cố đô van vật.

Vì thế mà bữa trưa hôm đó vừa cạn chén rượu tương phùng vừa ngậm ngùi nghĩ vần thơ:

Hồ Gươm liễu rủ tơ sầu biệt ly...

***

Bữa sáng sớm hôm 19 novembre 1940 trên cơ đường Le grand de la Lirage Sàigon, Mộng Tuyết đang sắp sửa ra xe về Hà tiên thì bất ngờ lại gặp người bạn quen có đôi kính trắng của Hànội năm trước: Anh Lê Thanh vừa mới xuống xe lửa vẫn điềm đúa và vẫn dáng hoàng, đang đi tìm một nhà quen ở phố đó.

Lại một cuộc « mã thượng gặp trùng phùng », một chén trà điểm tâm qua ấy quá để mà từ giã nhau. Hẹn tháng Hà tiên Hà nội còn có ngày gặp gỡ tại Saigon, Hàtiên nọn nước đã có xa xôi gì.

Vậy mà « *Cái ngày* » *sinh kế* [illegible] *có bao giờ nó* [illegible] *bạn, đến những cuộc hội mặt trong chỉ có một chén rượu ngọt, một điếu thuốc lá thơm.* »

Cho nên « *Tôi đã ra Bắc rồi chị ạ, chắc nhận được thư này chị ngạc nhiên...* »

Anh Lê Thanh đã về Bắc với niềm thỏa mãn của một tâm hồn hoài cổ: « *Tôi cần phải ở một xứ có cả mùa thu và mùa đông, tôi muốn ở một nơi mà đi thỉnh thoảng còn được gặp một cây liễu, một ngôi chùa cổ có cả tượng phật và rêu.* »

Trên đó là những lời trong bức thư đầu tiên anh viết cho Mộng Tuyết ngày 25 juillet 1941 để báo tin anh đã ra Bắc để làm mối giới cho duyên văn tự của Mộng Tuyết với tạp chí Tri tân anh đang cộng sự.

Bài « Dương liễu từ của Lê Bích Ngô do Hàtiên Mộng Tuyết kể và [illegible] » đăng trên báo Tri-tân số 16 ngày 26 septembre 1941 đã nhờ anh Lê Thanh trông nom cho việc ấn loát, việc khắc bản gỗ nguyên văn chữ Hán.

Khi nhận được bản thảo bài Dương liễu từ, anh có thư về bảo:

...Chỉ nhớ rằng tôi thích cái bài ấy quá, phải chăng tôi đã ấp một tâm hồn phiêu lãng say mê gió lại giang hồ, một bước ra đi không nghĩ đến

ngày trở lại » (Câu này anh Lê Thanh trích trong lời kể chuyện Dương liễu từ của Mộng Tuyết.)

« *Đã có lúc mơ tưởng là nhà thi sĩ xưa, được nhận bài Dương liễu từ, ngày nay « Dương liễu tân thanh » để treo trong thư trai, chỗ danh dự. Có bạn bảo thì đem cái bài ấy treo lên. Nhưng khốn nỗi bài ấy, tác giả của nó có cái tâm sự của Lê Bích Ngô nhưng không làm cái việc của Lê Bích Ngô là viết cái bài Dương liễu tân thanh ấy vào lụa mà viết vào một thứ giấy vàng... »*

(Trích nguyên văn thư anh Lê Thanh ngày 3 septembre 1941).

Đều lại cái tình tri ngộ đó, Mộng Tuyết đã viết lại bài Dương liễu tân thanh gởi tặng anh. Thơ chép vào một bức vẽ thủy mặc : một nhịp cầu nằm bên cành liễu yếu.

« Một cành liễu rủ bên cầu,
Tơ duyên Dương liễu bắt đầu từ đây.

Khi nhận được món quà của bạn phương xa đó, anh có thư về khoe với Mộng Tuyết rằng :

« .. Muốn phê bình một câu nhưng chẳng biết phê thế nào, chỉ xin nhắc lại rằng khi tôi xem bức vẽ rất cảm động... »

« Tôi đang thuê người làm cái khung để treo lên trong thư trai giản dị của tôi. Bao giờ chị ra chơi Bắc, chị có dịp lại thăm chắc sẽ thấy một gian buồng nhỏ trong chỉ có một cái bàn viết, một tủ sách, trên tường có một bức vẽ của chị, một ảnh thi sĩ Tản Đà, và một bức bằng mấy nét ký pháo hình Trương Vĩnh Ký và chỉ có thế thôi. »

Và anh đã mời mọc :

« Sắp hội chợ nay mai, chị ra chơi vào dịp này để chúng tôi được bận mạnh tiếp một « mặt trăng và một ngôi sao của xứ Nam Kỳ »

« Chị cố ra cho vui ... »

(Trích nguyên văn thư anh Lê Thanh ngày 7 tháng mười 1941)

Những mà từ đó rồi cái mảnh trăng non và cái ngôi sao của buổi hoàng hôn xứ Nam kỳ vẫn chưa từng được có một lần bước vào bên thư s[illegible] gần dị đó.

Và cũng từ đó, đường đời xô đẩy ngược, khiến cho hồng nam nhạn bắc, ngăn cách đôi đường. Mộng Tuyết thì vì gặp nhiều nỗi tang tóc của gia đình mà đành cô phụ bao duyên nước mây trí kỷ.

***

Ngày 9 tháng năm 1944, Mộng Tuyết kinh hoàng mà đọc trên tờ báo *Tri tân* (số 140 ngày 27 April 1944) tin anh Lê Thanh tạ thế.

Anh mất ngày 26 tháng tư, Mộng Tuyết được biết tin sau đó 13 ngày :

Phô báo xa kinh thiên lý ngoại,
Mộng hồn bằng điểu ngũ canh trung.

Đối với cả tang đau đớn của người bạn xa, Mộng Tuyết hả được bắt chước người xưa khóc bạn bằng đôi câu đối có một tình sự kinh mang đột ngột đó mà thôi sao?

Mộng Tuyết đối với người vừa quá cố, ngoài duyên văn tự bạn bè, còn có một « tơ duyên Dương liễu ».

Than ôi ! mối tơ duyên Dương liễu kia đâu có phải bắt đầu từ ngày Mộng Tuyết gửi tặng anh Lê Thanh bức thủy mặc « một cành liễu rủ bên cầu. »

Mà nó đã bắt đầu từ ngày đầu tháng 9 năm nào.

Trong mọi duyên tao tố ở đời có ai đã từng trải hai lần, quan san nghìn dặm, phút giây gặp gỡ là một phút giây tử giả hay không?

Gặp nhau và biết nhau không ở một chốn tràng đình, không ở một bến đò, cũng không ở một bên cầu có cành Dương liễu nào, mà lại đeo đẳng bên lòng cái tâm sự còn dư sót của một gốc liễu tương tư thảng ngày buông là muôn tơ sầu.

Than ôi ! Anh Lê Thanh ! nếu chúng ta chỉ là những người xưa bỗng phai hà một tánh liễu, thì cái gốc liễu kia phải bỏ đến hai lần trong khi dấu bể của cành xưa hãy còn chưa kịp có giọt tơ nữa.

Nhận rằng mình mang một tâm sự của người « biệt ly nhân tối thị vô tình » để mà yêu thích cái « Khúc Dương liễu tân thanh » đã nhờ mây gió bốn phương trời đưa đến cho những tâm hồn phiêu lãng say mê gió bụi giang hồ, một bước ra đi không nghĩ đến ngày trở lại, Anh Lê Thanh có hẳn vô tình như những người biệt ly nhân đã nói đó không ?

Hay là anh Lê Thanh cũng như « bất thả những ai ai đã có một lần để cho cảnh biệt ly làm cho lòng thổn thức » nên muốn mơ ước học đòi ông quan thanh đạm và giản dị ngày xưa yêu thích trân trọng giữ gìn một áng thơ của bạn

***

Mộng Tuyết gặp anh Lê Thanh lần đầu tiên ở một ngày khói lửa bắt đầu nhóm bên góc trời Âu. Mộng Tuyết đọc tin anh Lê Thanh tạ thế trong làn khói lửa đã lan đến đất nước nhà.

Xa xôi ở một góc biển bên trời Đông này, Mộng Tuyết thực xiết bao ngùi ngậm, không biết anh đã đau làm sao, đã bịnh làm sao mà biệt cõi đời một cách đột ngột như thế.

Mà cái tờ báo Tri tân mang tin cáo phó cũng còn đang đăng tiếp một công trình đồ khảo « Văn »

Xem tiếp trang 14

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 86 *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa nhâm-tuất (1502), có 34 ông đỗ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân, kể tên sau này:

1. — **Phạm khiêm-Bình**, người xã Lãm sơn, huyện Quế-dương, phủ Từ-sơn, trấn Kinh bắc. Năm bính-dần 1506, ông cùng với ông Lê Sao (đỗ bảng-nhãn cùng khoa) đều truất làm hiến-sát sứ trấn Hải dương. Năm canh-ngọ 1510 thăng thiêm đô ngự sử. Năm ất-hợi 1515, Phùng Chương ở Sơn-tây giữ núi Tam-đảo làm loạn: vua Lê Tương-dực sai Thụy-quận công là Ngô Bình, Nguyên-quận-công là Trịnh-duy-Sản làm đô-tướng, đô ngự sử là Phạm-khiêm-Bình làm tả lý quân-vụ, cùng đi đánh; Phùng-Chương thua chạy trốn (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 26, tờ 24 a-b). Năm mậu dần 1518 vua Lê Chiêu-tông sang Gia-lâm, ông Phạm khiêm-Bình đang làm Kinh-bắc thừa tuyên-sứ, yết-kiến vua Chiêu-tông ở hành-tại ở làng Dương-quang, ông vâng mệnh đem lương để cấp cho quân (*K. đ.*, q. 26, tờ 39 b). Ít lâu được thăng thừa-chánh sứ Nghệ-an, rồi được triệu về. Mùa xuân năm canh-thìn 1520, giặc ở biên-giới Tuyên-quang nổi lên: vua sai ông làm tả lý quân-vụ, cùng với Quỳnh-khê hầu là Vũ-Hộ đi thính, dẹp yên. Mùa mậu-thân năm thứ 1521 thăng Lễ bộ thượng-thư (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 52b, chép là Hộ-bộ thượng-thư, kiêm đô-ngự-sử), thaim-dự triều chính. Mùa thu năm nhâm-ngọ 1522, vua Chiêu-tông lại xuất ngoại: ông xin về Bắc-giang khởi binh cần vương, đánh nhà Mạc. Khi Mạc Đăng Dung bắt vua Chiêu-tông về Kinh, ông bái yết Đăng-Dung giận, truất làm Hộ-bộ hữu-thị-lang. Sau ông bị bệnh mất; trước sau không chịu theo Mạc. Là ông nội Phạm-ngạn-Toát, đỗ đồng-tiến sĩ khoa 1571 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 12b).

2. — **Nguyễn-văn-Kiệt**, người làng Mĩ xá (Nghĩa-xá), huyện Ngự thiên, phủ Tiên-hưng, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thiêm-đô ngự-sử. Người ta khen tiết-nghĩa. Sinh ra Nguyễn-Dự, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1508. (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 52b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 29a).

3. — **Nguyễn-duy-Minh**, người làng Thượng-cốc, huyện Gia-lộc (Trường-tân), phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ năm 1502. Làm quan đến tham-chính. Sinh ra Nguyễn-địch-Giao, đỗ đồng tiến-sĩ năm 1529 (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 52b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 37b).

4. — **Nguyễn-Kim**, người làng Thạch-lựu, huyện Yên-lão, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Năm 33 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến hiến-sát-sứ. Truy tặng hữu-thị-lang. Sinh ra Ngô-đốc-Tín, đỗ nhị giáp năm 1514, và Nguyễn-chuyên-Mĩ, đỗ đồng tiến-sĩ năm 1514 (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 52b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 89a-b).

5. — **Doãn mậu-Khôi**, người làng An-duyên, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Mùa đông năm đinh-mão 1507 hiệu Đoan-khánh, đang chức Hàn lâm kiểm-thảo, sung chức phó-sứ sang nhà Minh tạ về việc dụ tế Duệ-hoàng (Lê Hiến-tông, 1497-1504). Sau làm quan với Mạc đến Lễ-bộ thượng-thư, kiêm coi việc Hàn-lâm, tước Tường an-hầu. Có con gái làm cung-phi nhà Mạc. Là cháu Doãn-hoằng-Tuấn, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1478; ông nội Doãn-Đàm, đỗ tam giáp khoa 1586 (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 52b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 23 a-b).

6. — **Nguyễn-tử-Trọng**, người làng An-ấp, huyện Hương-sơn, phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ-an. Năm 18 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến đô-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 29 a-b).

7. — **Chử-thiên-Khải**, người xã Cối-giang (Hội-phụ), huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến tham-chính, truy tặng Lại-bộ

hữu-thị-lang, tước tương-sơn-bá. Con ông Chử-Phong, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1472, ông-nội Chử-sư-Đồng, đỗ nhị giáp khoa 1514, tằng-tổ Chử-sư-Văn, đỗ tam-giáp khoa 1544 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 32 a). Bộ *Khâm-định Việt-sử* (q. 26, tờ 38 a-39 a, và tờ 40 a) chép hai đoạn sau này nói về ông Chử-thiên-Khải: « Năm Quang-thiệu thứ hai (1517) đời Lê Chiêu-Tông, Trần-Chân đã đuổi được Nguyễn-hoằng-Dụ, quyền ở cả trong tay. Mạc Đà-Dung cũng sợ, cho con là Đăng-Doanh lấy con gái Trần-Chân. Lúc bấy giờ có người hiếu sự đặt câu ca rằng: « Trần hữu nhất nhân, vi thiên-hạ quân; thổ đầu hổ vĩ, tế thế an dân », nghĩa là họ Trần có một người, làm vua thiên-hạ, đầu thổ đuôi hổ, giúp đời yên dân. Vì thế quốc-cữu (cậu vua) là Chử-Khải cùng Thọ-quận-công là Trịnh-Hựu, Thụy-quận-công là Ngô-Bính, bàn nhau rằng: « Họ Trần có một người », tức là Trần-Chân, « đầu thổ đuôi hổ », tức là cuối năm dần (hổ), đầu năm mão (thỏ), năm này (tức mậu-dần) sợ có loạn, khuyên vua nên liệu sớm. Đến khoảng tháng 7 năm mậu-dần 1518, vua Lê Chiêu-tông vời Trần-Chân vào trong cung cấm, rồi truyền đóng các cửa thành, sai lực-sĩ bắt Trần-Chân. Trần-Chân chạy lên trên thành: người giữ cửa thành, bắt được Chân, chém luôn. Bộ-tướng của Trần-Chân là bọn Hoàng-duy-Nhạc, Nguyễn-Kinh và Nguyễn-Áng, nghe tiếng Trần-Chân bị giết đem quân vào thẳng cửa Đại-hưng: quân giữ cửa chống cự, không vào nổi. Vua Chiêu-tông đem quân đi tuần trong thành, sai đem đầu Trần-Chân bảo cho bọn Kinh biết: bọn Kinh lui về Yên-lãng, rồi lại vào hãm kinh-thành. Nửa đêm vua phải chạy sang Gia-lâm, sớm hôm sau đến làng Dương-quang, vào nhà riêng của chức đô-lực-sĩ là Đàm Cử; đến trưa vua vẫn chưa có cơm ăn, dân-gian tranh nhau dâng bánh khoai. Lúc bấy giờ Trịnh Tuy đóng ở Sơn-nam, quân hơn một vạn, nghe vua Chiêu-tông đã chạy, đều cho quân đâu về đấy. Từ bấy giờ bọn Hoàng-duy-Nhạc đem bè đảng cướp bóc, trong thành rỗng không. Vua vời Hoàng-Dụ đem quân đi đánh giặc: Hoàng-Dụ còn do-dự không đến... Vua hèn vời Đăng-Dung ở Hải-dương. Đăng-Dung vào yết-kiến vua, đem quân thủy ở Nhị-hà, cho là làng Dương-quang hơi xa, xin dời đến Bồ-đề, để quân thủy hỗ-thị cho tiện. Đăng-Dung lại mật dụ bọn Nguyễn-Kinh, Nguyễn-Áng rằng: « Thiết-sơn (tức Trần-Chân) chết là tại Chử-Khải, Trịnh-Hựu và Ngô-Bính dèm pha: nếu giết ba người ấy thì vua tôi lại như cũ, không dám có mưu-toan gì khác. » Đàm Cử tán-thành. Vua Chiêu-tông bèn giết bọn Chử-Khải để mong khỏi họa, thế mà bọn Kinh lại cắng kiêu-căng hoành-hành.

***

Trả lời tạp-chí Văn mới (Hàn Thuyên)

Ở cuối số *Văn mới* ra ngày 25-4-1944, là số 34-35 (tức quyển *Xã hội Việt nam* của ông Lương đức Thiệp) có mục « Tin văn » nói về ông nghè triều Lê. *Văn mới* in lại truyện ông Lê-Huyên và ông Đỗ-an-Vĩnh đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1499, rồi nói mấy câu như thế này: « Đại khái *Những ông nghè triều Lê* đều « bị khảo » một cách kỹ càng như vậy cả. Đọc mục Bia Văn miếu ấy, các độc giả (?) sẽ phải tự hỏi: « Biết về quê quán, tên tuổi, chức tước của những ông nghè kia (!) phỏng có ích gì ?»

Có thật « các độc giả » hỏi như thế không? Hay là *Văn mới* bịa ra để đem: đuổi này tôi sẽ xét. Duy có một điều chắc-chắn, cần phải nói ngay, là độc-giả sẽ hỏi *Văn mới* rằng: « Nếu bài *Ông nghè triều Lê* không có ích gì, sao *Văn mới* lại dẫn vào số 22 23, ngày 25 11-1943, trong quyển *Lê Thánh tông* ở mục « Các sách tham khảo », dưới « quyển *Việt-nam sử-lược* của ông Trần-trọng-Kim ? Nếu không ích gì, sao *Văn mới* lại in ở số 34-35 (trang 314), một câu giống giống như câu *Ông nghè triều Lê* ? Câu *Văn mới* như thế này: « Vua Lê-thái-Tổ mở lại trường Quốc-tử-Giám cho con cháu các quan và người thường dân tuấn tú vào học, đặt lại những nhà học (!) lại các phố (!) và các lộ. » Câu ấy, *Văn mới* in ngày 25-4-1944,

(Xem tiếp trang 16)

Tơ duyên Dương liễu

(Tiếp theo trang 11)

học Việt nam điện đi » của đình.

Cao ôi! bịnh chẳng được thăm, tang không được viếng, trên quãng đường về Hoàng tuyền của anh, sao Mộng Tuyết không được là một tay chấp phất. Mộng Tuyết sao mà không được dự chút nào trong giờ khắc nghiêm trọng mà buồn rầu đã dành cho anh khi sắp xa cõi mà người ta thường gọi là cõi sống gửi này. Ở một nơi cùng thôn tuyệt tái, trong lúc phong yên đã nổi kín bốn trời, nghĩ đến điều đó thì như có một nỗi đau thương chưa xót, hơn nữa là một nỗi ân hận không khuây giải được.

Nguồn lệ trong gia đình khóc cha và chị hãy còn lã chã, nay lại thêm một giọt lệ khóc bạn phương trời. Tình thâm nghĩa thiết nghĩ đến câu tử biệt sinh ly, người bạn của anh ở chốn buồng the làm sao mà cầm nước mắt.

Huống chi ngoài duyên văn tự, hãy còn những dấu vết nhạn hồng, những bức thư trắng tinh sạch sẽ thường viết bằng thứ nước sơn tươi với nét chữ nhỏ, mau, mà tròn như tơ rối đó hãy còn mới như những cánh hoa đào rơi trên mặt suối.

Mỗi khi viết đầu chữ Mộng Tuyết và tên người nhận lãnh trên phong bì, anh cố bắt chước theo chữ ký của Mộng Tuyết vẽ cái cảnh trăng non trên chữ tuyết và dưới chữ mộng vẽ một ngôi sao.

Anh đã báo tin cho Mộng Tuyết:

« Tôi đã đưa đi khắc cái chữ Mộng Tuyết có một ông giăng và một ông sao kỳ dị ấy, số tiền thuê là năm xu rưỡi, chị làm thế nào hoàn lại cho.»

Và anh đã dòi nợ Mộng Tuyết:

« Có một kế diệu nhất là một ngày nào đó, đáng lẽ chị không định viết thư cho tôi nhưng cũng đem viết, thế là trả xong món nợ đó.» (Thư ngày 3-9-1941).

Cái công-trình của anh Lê Thanh đã giúp cho thì các bạn quen thời thường còn hãy gặp trên những tờ ấm tín của Mộng Tuyết đưa gởi khắp bốn phương.

Như thế mà đã ba năm trời nay, Mộng Tuyết cũng chưa từng trang trải cho xong món nợ « năm xu rưỡi » mà anh đã bày cho Mộng Tuyết một diệu kế để mà sống phẳng.

Thực không có gì đáng phàn nàn và hối hận bằng thói chểnh mảng và lây lất của Mộng Tuyết đối với bạn bè. « Bức thư không định viết mà đem viết đó » thực thì Mộng Tuyết đã và vẫn nghĩ đến nó luôn, nhưng mà chưa đem kỳ thác nó lên trang giấy trắng có viền đen mà thôi.

« Câu thơ nghĩ đáng đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa.»

Than ôi! thực còn viết gởi đưa về đâu được nữa.

Mấy trang giấy này, thiết tha đau đớn nghĩ nhớ đến anh Lê Thanh mà viết, nhưng có phải đâu là một bức thư anh đã đòi, và Mộng Tuyết đã định viết cho anh đọc đó.

Trời ơi! Ai có thể vì Mộng Tuyết mà chuyển giao một bức thư cho anh Lê Thanh thiên cổ được.

Tơ duyên Dương liễu vì báo Tri tân mà vương, đọc tin anh tự thế trên báo Tri tân, khóc anh cũng trên báo Tri tân, thì làm cái công việc cho Mộng Tuyết bằng điếu người xưa, anh Hoa Bằng hãy vì Mộng Tuyết mà sửa một bó hoa trắng, thắp một nén hương, đem đọc trước mộ anh Lê Thanh mấy trang giấy chung quanh viền một khung đen tang tóc này, rồi đốt đi cho khói mực và tàn giấy bay cuốn quanh nấm mồ mới đắp.

Còn đôi câu đối viết trên mảnh lụa này thì xin được treo ở một chỗ nào bên cạnh bàn thờ mới.

Than ôi! Sao ngày trước Mộng Tuyết không làm theo lời anh Lê Thanh nói, có cái tâm sự Lê Bích-Ngô mà không bắt chước Lê Bích Ngô viết bài Dương liễu tân thanh trên lụa tặng anh, để tay anh được cầm nó, treo lên và cuộn lại, như cụ Phan Thanh-Giản ngày xưa theo ý anh ao ước. Mà chỉ viết trên một tờ giấy bảo.

Ngày nay câu đối khóc anh, Mộng Tuyết lại đem viết trên một bức lụa. Ôi! một sự mỉa mai đau đớn! Bức lụa bạch có nét chữ đen này tự nhiên là không được tẩy anh cuốn mở, nhưng tất sẽ được hương hồn anh chứng giám cho.

Anh Lê Thanh! người bạn gái xa-xôi lau nước mắt mà viết mấy dòng này, thành tâm cầu nguyện cho anh.

Viết ở Mái Trăng non, vườn Muôn hương, đêm mưa
Hà tiên, MỘNG - TUYẾT
thất tiểu muội

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p00 một vé

Bản sách dẫn về Đại-Nam Liệt truyện

Số 19

Thọ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỜ
					11a	
NHẬN 訒 *Trần thúc*	sơ danh Bình, tự Hi-nhân	Thừa thiên, Quảng điền	N	36	12a	
NHI 兒 *Trần-thị*		Bình thuận	N	44	8a	
NHO 儒 *Huỳnh-đình*		Thừa thiên, Phong điền	N	41	9b	cũng đọc « Nhu »
NHUẬN 潤 *Lê-thị*		Hưng yên	N	44	6a	
NHUẬN » *Nguyễn-đức*		Thanh hóa, Hoằng hóa	N	20	23b	
NHUẬN » *Nguyễn-văn*	sơ danh Điền, tự hàm sắc	Quảng nam, Duy xuyên	N	41	5a	
NHỰ 恕 *Võ*	tự Đông phẩu	Hà nội, Thọ xương	N	39	12b	
NHƯỢNG 讓 *Trần*	tự Ngu quan	Thừa thiên, Quảng điền	N	36	10a	
NHỰT 日 *Bùi-văn*		Quảng trị, Hải lăng	N	41	2b	cũng đọc « Nhật »
—23—						
O-Ô						
OANH 榮 *Thái-thị*		Nghệ an, Đông thành	S	29	13a	
ÔN 溫 *Bạch-đông*		Hà nội Kim bảng	N	33	3a	
ÔN » *Hồ-bá*	tự Cung thúc,	Nghệ an, Quỳnh lưu	N	39	28b	
ÔN » *Nguyễn-xuân*	hiệu Tòng viên	Nghệ an, Đông thành	N	39	24b	
—4—						
PH						
PHÁC 璞 *Nguyễn-tấn*	cũng viết « tả mộc »	Thừa thiên, Hương trà	N	25	26a	con Nguyễn tấn Lâm
PHÁC » *Trần-huy*		Nghệ an, Đông thanh	N	29	10a	
PHÁI 派 *Lê-thanh*		Quảng trị, Hải lăng	N	41	12b	con Lê thạnh Biện
PHẠM 範 (*không biết họ*)	hiệu Vân hiên	Không rõ	T	5	14a	làm chức Nội tán
PHÁN 泮 *Bùi-huy*		Nam định, Vụ bản	N	32	0a	
PHAN 潘 *Tôn-thất*		Huế	T	4	18a	
PHAN 蕃 *Tôn-thất*	tự Thanh hiên,	Huế	N	11	13a	
PHAN 鑾 *Trương-phước*	hiệu Xuân đình	Thanh hóa, Quảng hóa	N	11	19a	
PHAN 璠 *Võ*	tự Hoán phả	Bắc thành, Thọ xương	N	26	13b	
PHÁN 判 *Nguyễn-thị*		Thanh hoa	N	44	5a	
PHÁP 法 *Nguyễn-cửu*		Thanh hóa, Quảng hóa	T	4	9b	
PHÁT 發 *Đỗ*	tự Tử Tuấn	Sơn nam, Quần phương xã	N	34	18a	
PHÁT » *Nghiêm-trọng*	tự Tử Trường	Hà nội, Từ liêm	N	37	13a	em Nghiêm xuân Lượng
PHÁT » *Nguyễn-văn*		Bắc thành, Thọ xương	N	26	14a	
PHÁT » *Ngô*		Bình định, Phù cát	S	25	2a	
PHẠT 罰 *Phạm-văn*		Bình định, Tuy phước	N	40	11a	
PHẨM 品 *Lê bá*		Gia định, Bình dương	S	12	2a	
PHẨM » *Nguyễn*		Bắc ninh, Gia bình	N	19	5b	
PHẨM » *Nguyễn-kim*		Nam định, Thượng nguyên	S	8	1b	
PHẨM » *Phạm bá*		Bắc ninh, Đông ngàn	N	34	11a	
PHẤN 奮 *Nguyễn-văn*		Thừa thiên, Phú xuân	S	14	10a	
PHẤN » *Trương-phước*		Thanh hóa, Quảng hóa	T	4	14b	
PHẤT 沸 *Vi thị*		Lạng sơn, Đức ân	N	41	4a	
PHI 非 *Phạm*		Quảng bình, Lệ thủy	N	31	17a	
PHIÊN 藩 *Hà-duy*	tự Đức ninh.	Thanh hóa, Hoằng hóa	N	35	9b	

(1) T: Tiền-biên, S: Sơ-tập, N: Nhị-tập.

Những ông nghè...

Tiếp theo trang 12)

còn câu *Ông nghè triều Lê* đăng ở *Tri tân* đã non ba năm nay (ở số 25, ngày 28-11-1941, trang 3, cột 2 thì như sau này :

Vua Lê Thái-tổ ban chiếu trong thiên hạ dựng nhà học để đào-tạo nhân tài, trong có Quốc-tử Giám, ngoài có nhà học ở các phủ ; vua thân kén con cháu nhà quan cùng những người thường dân tuấn tú cho vào làm học sinh.. »

Có phải rõ-ràng *Văn mới* bắt chước ở bài *Ông nghè triều Lê* không ? mà bắt-chước một cách vụng-về, như câu « nhà học ở các phủ » chép làm « nhà học tại các phố » ! Lại không nói lấy ở chỗ nào ra, không dẫn vào mục các « sách tham khảo » Thế mà dám bảo bài *Ông nghè* không có ích gì, rồi bịa ra câu « các độc-giả » !

Làm thế nào biết được « các độc-giả » ? Dù có mượn được quyển sổ phát báo của *Tri tân*, cũng không biết hết được, vì còn có người mua báo lẻ, có người đọc báo ở các thư-viện.. Thế có phải *Văn mới* bịa ra để vu-hoặc phỉ-báng không ?

Riêng về tiểu-sử ông Lê-Huyên và ông Đỗ-an Vĩnh, mà *Văn mới* trích đăng ở mục « Tin văn », tôi có nhận được hai bức thư của độc-giả hỏi tôi mấy câu sau này : « 1, Có đích làng Thanh-nga (tức làng ông Lê-Huyên) ở tỉnh Bắc không ? Quyển *Nomenclature des communes du Tonkin* của ông Ngô-vi-Liễn không chép Thanh-nga ở Bắc-ninh, chỉ chép Thanh-nga ở Hà-nam, Hưng-yên, Phú-thọ và Thái-bình. — 2, Về triều Lê, huyện Yên-phong (tức huyện ông Đỗ-an-Vĩnh) có những làng nào ? — 3, Chức chính-đoán-sự (là chức ông Đỗ an-Vĩnh) đối với chức gì trong quan-chế ngày nay ? »

Tuần nào có bài *Ông nghè*, độc-giả cũng viết giấy hỏi tôi về niên-hiệu, về quyền-hạn các chức quan lại triều Lê ; có người hỏi cả tiếng « bát *sứ* », « điếu *sứ* » có phải ở chữ « chánh *sứ* bộ công » mà ra không ?

Hiện giờ tôi còn phải trả lời cho 47 bức thư của độc-giả hỏi hơn một trăm câu về *Ông nghè triều Lê*, chưa kể những thư của độc-giả viết hỏi *Tri tân*, chưa kể những người đến tận Bắc-cổ hỏi sao đoạn này đoạn kia trong bài *Ông nghè* khác hẳn với gia-phả của độc-giả.

Văn mới không có gia-phả từ triều Lê, nên mới bịa ra những chuyện trên kia ; nay tôi đã dẫn chứng phân-minh, nên chữa câu *Văn mới* như sau : « Mục *Ông nghè triều Lê* không những là có ích cho bạn đọc, lại có *lợi* cho bạn viết, nhất là bạn viết cho *Văn mới* ».

Vẫn biết rằng theo lối mới và theo lối thông-thường của kẻ vu-hoặc, *Văn mới* nói lấy lại rằng : « Thanh niên hiếu học, lúc này, không chờ ở cụ Ứng-Hòe một công trình khảo cứu vô dụng như thế (?). Họ đòi hỏi ở cụ những cái đứng đắn hơn (?), hữu dụng hơn (?), một công trình khảo cứu kỹ lưỡng về đời sống xã hội, chính trị, văn hóa của dân tộc Việt nam dưới triều Lê chẳng hạn. »

Nhưng trên kia tôi đã dẫn câu *Văn mới* « mượn » của *Ông nghè*, — « mượn » mà không dẫn : như thế đủ biết là « hữu dụng » hay « vô dụng », « đứng đắn » hay không. Tôi có nói hiện giờ còn 47 bức thư của độc-giả xa gần hỏi về *Ông nghè*, chưa trả lời kịp ; ấy là không nói đến những thư đã trả lời từ trước, cho đủ các giới trong nước, từ ông quan đầu tỉnh, như ông Vũ-đức-Phượng, tuần-phủ Hà giang, — ông trạng sư tòa Thượng thẩm, như ông Phan-Anh, — cho đến những bậc thanh-niên hiếu-hạnh, như ông Trần-Vinh, ở số 13, phố Monne, tỉnh Hà tĩnh, viết thư ngày 22 Juin 1944, hỏi tôi về cụ tổ tên là Trần-viết-Thứ, đỗ tiến sĩ triều Lê, — và thanh-niên hiếu học hỏi tôi về sách vở của mấy ông nghè triều Lê, để tra-cứu, hoặc để soạn sách dự thi, v.v. (Tôi xin lỗi độc-giả đã tự tiện biên quí-tính phương danh ra đây, nhưng vì phải trả lời ngay cho *Văn mới*, nên không kịp viết giấy xin phép độc-giả.)

Văn mới không hiểu những vấn-đề sử-học không biết những sự cần-thiết của sử-học, muốn tôi « khảo-cứu về đời sống xã-hội... » ! Sao *Văn mới* không hỏi ông Lương-đức Thiệp xem quyển *Xã hội Việt nam* của ông khảo theo lối nào... Tôi sẽ thay ông trả lời rằng việc khảo-cứu thường chia làm hai phần : một phần gọi là phân tích, tức như bài *Ông nghè triều Lê*, một phần gọi là tổng-hợp, tức như quyển *Xã hội Việt nam* (quyển này sai nhầm những

đây, đến kỳ sau tôi sẽ nói.) Giá không có sách để « tham khảo », không có bài *Ông nghè*, thì ông làm thế nào được quyển *Xã hội Việt nam*.

Vậy nói « thanh-niên hiếu học đòi hỏi » một công-trình khảo-cứu về « xã hội chính-trị và văn-hóa » là bịa-đặt, mà bịa-đặt một cách khờ-dại, vì thế là tỏ rõ cái xảo của mình ra. Thử hỏi xem ai đặt ra chính-trị, gây nên văn-hóa cho xã-hội Đại-Việt về triều Lê ? Chẳng phải một phần lớn ở những ông nghè ư ! Vậy phải đọc kỹ mục *Ông nghè*, thì biết được xã hội chính-trị nước ta và các bậc danh nhân đời Lê.

Văn mới lại nói : « Họ (tức thanh-niên hiếu học) muốn đẳng cụ nên để cho *Những ông nghè triều Lê* mõ-mèo của cụ nằm yên trong Văn-miếu » ! Câu ấy cũng bịa nốt, vì thanh-niên đã « hiếu học » không bao giờ nói những câu vô lễ như thế ; thanh-niên thường nghe nhà làm sử kể lại rằng : « Nếu tôi vứt bỏ trong người tôi một vài cái cảm-tình, một vài cái tư-tưởng, như yêu mến đất quê-hương, cảm-hoài người đời trước, vui-vẻ thấy mình giá có đổi vào địa vị người đời trước, thì tâm-sự và hành-trạng cũng giống như người đời trước, mà tâm-hồn mình cũng phảng-phất trong sự tích và truyện truyền kỳ của người đời trước. Nếu vứt bỏ những cảm-tình và những tư-tưởng ấy đi thì không biết mình là gì nữa, không biết mình làm gì ở trên đời này, đến cùng mất cả cái lẽ chính về sự sống. » (Si je retirais de moi-même certains sentiments et certaines idées, l'amour du sol natal, le long souvenir des ancêtres la joie de retrouver mes âmes dans leurs pensées et dans leurs actions, dans leur histoire et dans leur légende.., je ne saurais plus ce que je suis, ni ce que je fus en ce monde ; je perdrais la principale raison de vivre. — Ernest Lavisse) (1).

Thanh-niên đã hiếu-học không bao giờ bẩn-tỉnh như *Văn mới*. Tục ngữ tây có câu « Nhổ lên trời rơi xuống mũ » (Il crache en l'air et son crachat lui est retombé sur le nez) ; tục ngữ ta có câu « Ngậm máu phun người bẩn miệng mình trước » (Hàm huyết phún nhân, tiền cố tự khẩu) ; tục-ngữ ta có nhiều câu mạnh hơn, không tiện nói...

(Còn nữa)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

(1) Vì nói đến sử học, nên tôi dẫn một câu của nhà làm sử. Cứ thực ra, thì các nhà làm sách có tiếng, từ nhà văn học, nhà địa-học, cho đến nhà triết học, nhà khoa học, đều nói giống như nhà sử học, nhiều câu đã dịch ra quốc-ngữ. Như nhà triết học J. M. Guyau nói một câu rằng : « Chúng ta kế thừa ông cha chúng ta không những là kế thừa những việc đã làm nữa, mà kế-thừa cả những việc chưa làm, cả cái sự nghiệp chưa thành, cả sự cố-gắng hưởng như là vô ích ; ngày nay nghĩ đến những sự tận tụy, những việc hi sinh của tổ-tiên, nghĩ đến những việc can đảm, dù không thành, mà trong lòng ta vẫn rung động cảm kích... (Nous héritons non seulement de ce que nos pères ont fait mais de ce qu'ils n'ont pu faire de leur œuvre inachevée, de leur effort en apparence inutile ; nous frémissons encore des dévouements et des sacrifices de nos ancêtres, des courages dépensés même en vain.) Thế mà Văn mới dám viết câu : « ... Nên để cho những ông nghè triều Lê mõ-mèo ... nằm yên trong Văn-miếu » ; thật là Văn mới (Hàn Thuyên) có tội với quốc-gia.

TỦ SÁCH NGÀY MỚI
Đại Học thư xã trình bày :
Đã phát hành VĂN HỌC và TRIẾT LUẬN
bà Mộng Sơn viết
— *Căn-cứ vào hiện chứng-phẩm, tác-giả nghiên-cứu về vấn-đề phụ-nữ trên thực-trạng của xã-hội Việt-Nam* — giá 2$50
Sẽ phát hành
KHỔNG-GIÁO với ÔNG ĐÀO-DUY-ANH
nghiên-cứu của Nguyễn Duy Diễm giá 3$00
VIỆT và SỐNG
Bình-luận về văn chương Việt-Nam hiện-đại của Nguyễn xuân Huy
VĂN CHƯƠNG và XÃ HỘI
nghiên-cứu của Lương đức Thiệp
Còn một ít : MẸ TÔI *tiểu thuyết trọn bộ*
của Nguyễn khắc Mẫn — *Giá* 3$80
ĐẠI HỌC THƯ XÃ *181, Henri d'Orléans Hanoi.*
Boite postale N° 9 Giám-đốc : LÊ MỘNG CẦU

Bốn năm trên đảo Cac-ba

của VÂN-ĐÀI

Năm 1935, lần đầu tiên ra Cac-ba, chúng tôi thuê một chiếc thuyền rồi bắt đầu đi từ bến Sáu-kho.

Chiếc thuyền gỗ, mui nan, đủng đỉnh đưa gia-quyến chúng tôi ra khỏi Sông đào, đến cửa Nam-triệu. Hôm ấy vào một sáng bê, vòm trời xanh đậm màu lơ, và khí trời đã bắt đầu oi ả. Một ngọn gió đưa từ xa lại, chiếc buồm treo trên cột thuyền, thong thả quay ngang. Người chủ thuyền phàn nàn: « Hôm nay lại ngược gió! »

Những tiếng bằng quơ ấy, tôi nghe không một chú ý gì, nhưng sau này tôi mới hiểu là, mỗi chuyến đi ngược gió là một chuyến chật vật.

Ra khỏi cửa Nam-triệu, nước sông đã pha màu nước biển, sắc nước trở nên hơi trong-trong, thuyền đã bắt đầu lao-đao bởi những con sóng nước.

Cửa Ninh-tiếp lần lượt hiện ra trước mặt tôi một cách lững bờ và chậm chạp. Xa xa một bãi cây xanh và rất thấp, một thứ cây riêng mọc dưới nước mặn mà quanh năm vẫn xanh, vẫn sống nhưng vẫn lẻ tẻ, cô thế thôi!

Sau rừng cây con con và chắc chắn như một bức thành cổ, một rặng cây khác xanh tươi hiện ra, chen lẫn vào những mái nhà lợp ngói đỏ và tường quét vôi trắng xa ngắm như một bức hoa.

Ninh-tiếp là một đồn của nhà Đoan, người ta đặt ra ở đây, để đề phòng bọn buôn bán gian lậu, đi về ngang tắt trên con đường này.

Chậm chạp tiến lên, thuyền dần dần xa bến. Gió bỗng đổ vào thuyền một thứ không-khí khác thường, nhưng rất trong-sạch. Không-khí này quen với tôi lắm. Chỉ một chút gió phớt qua, một chút lạnh lùng đưa lại, lòng tôi đã gây-gấy lên một cơn sốt nhẹ nhàng, nhưng sôi nổi để tha-thiết những cái gì cao cả mông mênh của vũ-trụ, những cái gì chân thật, vĩnh viễn, không giả dối, không khinh bạc của loài người. Phải chăng là gió với mây, trăng với nước, là bạn chí thân của những tâm hồn ẩn dật?

Luồng gió ngược đã bắt đầu thổi mạnh, ngăn trở chiếc thuyền trên luồng sông cả. Thuyền cố lách mình, len vào gần đất. Bến Cát-hải đã lần lượt hiện ra trước mắt chúng tôi: một màu cây xanh và mát. Đây là nơi làm nước mắm, thứ nước mắm mà phường Vạn-vân vẫn chở thuyền đi bán khắp nơi. Một dải bờ phong phú phồn thịnh, đã phô ra trước du khách, những nếp nhà ngói kiên cố, những con đường sạch và trắng, chen chúc giữa đám cau và chuối xanh xanh nhưng vụng-về như một cô con gái nhà giàu xứ quê, e lệ ra mắt khách lạ. Nghề làm cá ở Cát-hải đã cho một số đông dân ở đây được no đủ, sống đời thái-bình và ít phải tranh cạnh. Nếu không cần đem nước mắm đi bán khắp nơi, để làm giàu thêm cho các nhà chế tạo nước mắm, Cát-hải có thể sống riêng một cối an cư lạc nghiệp, như đời xưa không cần đến ai.

Qua Cát-hải là đồn Bãi, một đồn cuối cùng của nhà Đoan trên dải đất này với một cái tên hơi lai, chính thực tên ta là đồn Bãi (một đồn cuối bãi Cát-hải).

Thuyền bắt đầu ra khơi, nước biển đã đượm màu ngọc thạch xanh ngắt, cố ý bảo cho ta biết đồn đây bể đã đoạn tuyệt với đất liền ra lắm.

Hai cánh buồm trắng trên thuyền đã treo cao từ lâu, hai anh em người lái thuyền như hai vị anh hùng đứng chỉ huy giữa mặt trận chiến đấu thuyền và sóng.

Chiều gió ngược làm cho thuyền đi càng trậm và sóng lại càng to. Chiếc thuyền lúc nào cũng cố gắng để vượt qua con sóng khổng-lồ sắp đến. Những đợt sóng « lừng » đã khởi-sự nao lên, cố ý biến cho du khách nếm một trận vật lộn êm đềm, nhưng lao đao đến cực điểm. Ai là người đã đi bể nhiều, chắc bẩm đã biết qua một cơn hành-hạ của Thần Sóng, mà nhất là sóng « lừng », cái tên đủ làm cho khách hàng-hải phải cau mặt.

Bạn đừng sợ khi thấy chiếc thuyền chồng chành, nghiêng bên này ngả bên kia, làm cho thân thể bạn bị lắc lư như người lên đồng, một khi bị thánh ốp. Những cái đã đưa nao-nao ấy chỉ đủ làm cho bạn choáng váng hay nôn mửa... Bạn cũng đừng sợ, khi thấy thuyền nghiêng hẳn sang một chiều làm cho bạn đương mãm, bỗng đứng như người bị dựng đứng dậy, bạn có thể bảo rằng thuyền sắp úp xuống khi bạn trông thấy đầu buồm ngả sát ngang mặt bể.

Sóng « lừng » không cho ta những cảm-giác ấy, nó chỉ là những đợt sóng to, từ bể xô đưa

lại, đi ngầm dưới mặt nước, mỗi khi vướng phải vật gì, sức mạnh của nó có thể bung hẳn vật ấy lên cao, cho đà sóng đi qua, rồi mặc cho vật ấy tự rơi xuống.

Liên tiếp không thôi, những đợt sóng ngầm ngầm, chiếc thuyền nhô lên, hạ xuống trăm ngàn lần.

Khách nằm trong thuyền không khác gì một quả bóng tròn, do tay một cậu bé luôn luôn đập cho nó nẩy lên quá mặt đất, rồi lại lấy tay đè ấn nó xuống, chờ cái nẩy khác đến tay, để tìm thú vui trong cuộc chơi. Người ta ở đây, không phải là vật vô-tri như quả bóng, nên trước sức mạnh vô cùng của vũ trụ, người ta đã không một sức gì chống cự, không một khí giới gì tự vệ, mà đành phải chịu một trận đòn êm đềm, như bị rắn trên đệm bông tơ.

Ba giờ đồng hồ vật vã giữa bể, chiếc thuyền đã từ từ tìm vào bến Các-ba. Lúc ấy trời đã quá chiều, gần ngả về tối.

Cửa bể con con của Các-ba đã hở cho ta một trời yên lặng. Bến Các-bà bệ vệ như một chiếc ngai vàng, mở rộng hai tay để che chở những con thuyền phiêu bạc. Bao bọc chung quanh những giải núi xanh, Các-ba đã lọt vào giữa lòng khu đất ấy. Tất cả trông như một cái vòng tròn, trước vòng tròn mở ra một cửa đón thuyền ra vào; thật là một nơi rất an ổn cho thuyền bè trong những ngày sóng gió (người Khách đã chỗ đây là một nơi rất đắc địa theo thuyết địa lý hợp có thể sống đời đời an ổn ở đó này).

Rải rác dưới chân núi, những ngôi nhà gạch lợp ngói đỏ tươi, những lò-cốt cao, phấp phới lá cờ ba sắc. Chạy dài hai bên tay ngay, hai dãy nhà vừa lợp la, vừa lợp ngói bền sạn sạn do những dân chài người Khách cư trú. Nhà nào cũng làm quay lưng ra bể, mặt trông vào phố, một phố độc nhất ở Các-ba.

Tiện đây tôi xin nói qua về cái tên Các-ba, mà nhiều người vẫn gọi lầm là Cá-bà như người ta gọi Cát-bà vậy.

Các-ba xưa kia vẫn có một tên mà người Khách gọi là Appovan và người Nam gọi là Các-ba, do lấy tên một ngôi mộ của hai bà nữ-thần không tên, chết ở đâu, trôi về và hiển linh tại đấy.

Ngôi mộ ấy gọi là ngôi mộ của Các-bà, người ta lập miếu thờ và người ta muốn biểu dương cái uy linh của các bà, nên lấy tên Các-bà, đặt cho hòn đảo.

Trước kia hòn đảo chỉ là nơi sào huyệt của giặc tàu ô, nơi buôn người của lũ mọi mán, thì nay có thể là một thành phố con con của khách trú.

Ngoài một khu vực có ngăn nắp, có vệ sinh và sửa sang ngoạn mục của viên Đại-lý người Pháp ở, còn ra là tất cả bộ tượng của nước Tàu. Bao nhiêu cái lộn-xộn, ô-tạp, thiếu vệ sinh, ít ánh sáng, nhiều ẩm ướt và lẫn lộn cả gà lợn ở chung với người, đều có ở dẫy phố khách này, thế nhưng người ta vẫn sống được.

Sự phồn thịnh về hải sản nơi đây đã bắt người ta quá chen chúc phật bẹn để tìm lấy một chỗ trọ, mặc dầu đã có làng ngăn gia-đình sống ở dưới thuyền, mà cả giang sơn của họ chỉ bằng đời lênh đênh trên mặt sóng. Những đứa bé con tỷ tạo, mới ra đời, đã đon ngay lấy luồng gió bể và phải tắm gội qua một lớp móc sương phủ trên con thuyền vô định, nơi sống và chết của bọn dân chài.

Tất cả thuyền cá của người Tàu từ Bắc-hải, Long-châu, Hà cối và các cửa bể gần miền duyên hải Bắc-kỳ, một phần rất đông, lấy Các-bà làm căn-cứ, cũng do hai lẽ này:

1) Các-bà là một nơi có rất nhiều núi non quanh quất, có thể cho các thuyền ẩn tránh những ngày gió bão.

2) Các-bà là con đường gần hơn hết — trong các ngả đường từ Nam sang Tàu: Rất tiện cho sự giao-thông và tránh các thứ lằng lậu thuế. (Còn nữa)

VÂN ĐÀI

Giá báo

1 năm	20$00
6 tháng	11,00
3 tháng	6,00
Mỗi số	0,50

Đã có bán:

NHÀ BÊN RIA
của Đỗ Đức-Thu giá 0$65
Thơ-thơ và văn-chương
TÚ MỠ
do Lê-Thanh viết giá 0$60
EM LÀ GÁI BÊN SONG CỬA
của Lưu Trọng Lư giá 1$50
VIỆT SỬ GIAI THOẠI
của Đào-Trinh Nhất giá 2$00
Khảo-cứu về
TIẾNG VIỆT NAM
của Trà-Ngân giá 2$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI
của Dương Ngà giá 3$00
KIM TỰ THÁP
của Phan Quang-Định giá 2$
NỬA ĐÊM
của Nam Cao giá 2$00
Nhà xuất bản Cộng Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

MỘT CÁCH CHƠI VĂN KIỀU

Tùng-Thành NGUYỄN-NHÚN

Ngày mồng mười tháng tám ta sắp tới quốc dân ta lại sắp sửa làm lễ kỷ-niệm Tiên-điền Nguyễn Du, tác-giả *truyện Kiều*. Để góp vào việc kỷ niệm ấy, tôi xin giới-thiệu với độc-giả một cách chơi văn Kiều rất có thú-vị. Người khởi-xướng ra cách chơi đó là ông Đỗ hữu Bửu, cháu cụ đốc-phủ-sứ Đỗ hữu-Phương.

Ông Bửu là một nhà tây-học, lại có quốc tịch Pháp, nhưng vẫn giữ được giá-trị cái phong vị Việt nam. Ông rất sành về văn thơ quốc-âm và có biệt tài về khoa tập Kiều, không như cô B ở ngoài Bắc vậy.

Cuộc chơi văn Kiều mà ông khởi xướng ra là dùng những chữ trong Kiều để làm thơ thất ngôn bát cú luật Đường vịnh các nhân-vật truyện Kiều.

Các điều-luật ông đặt ra như sau này :

1·) Cấm không đặng đặt một chữ nào của mình ;

2·) Cấm lấy một chữ lẻ, phải lấy trong Kiều từ hai chữ sắp lên liền nhau,

3·) Cấm đảo lên lộn xuống. Thí dụ : vẫy vùng không đặng đổi ra vùng vẫy ;

4) Nếu lấy nguyên câu bát, bỏ đi một chữ càng hay, nhưng cấm bỏ chữ thứ hai hay thứ bảy, vì như vậy thì chữ thứ nhất hay thứ tám là của mình đặt ra, không liền với những chữ kia.

Thí dụ trong câu nguyên văn « *Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ* » thì lấy đặng : Nghề đàn lại đủ nghề văn thơ (bỏ chữ có) hay là : Có nghề đàn lại đủ nghề văn (bỏ chữ thơ). Còn như muốn lấy :

Có đàn lại đủ nghề văn thơ (bỏ chữ nghề ở trên) hay là :

Có nghề đàn lại đủ nghề thơ (bỏ chữ văn) thì không đặng.

5·) Chữ lấy ở câu nào phải chua cả câu ấy ra cho tiện kiểm điểm.

Ấy đó, năm điều luật ông đặt ra nghiêm-ngặt như thế. Rồi ông làm ngay bài vịnh Kim-Trọng như sau này :

« *Cung đàn vườn Thúy ngẩn ngơ giây,*
« *Tang tóc Liêu-dương nỗi nước này :*
« *Dưới nguyệt hương nguyền bay lạt khói,*
« *Thề hoa gió cuốn bức tờ mây.*
« *Ước xưa nghĩa bể còn mang nặng,*
« *Duyên mới cơ trời đã đổi thay.*
« *Cửa Phật tình cờ trong tác-hợp*
« *Thỏa lòng mơ tưởng bấy lâu nay.* »

Các chữ trong bài lấy ở những câu Kiều sau này :

Cung đàn lựa những ngày xưa Vệ sang *vườn Thúy* dò la. Đàn cầm khéo *ngẩn ngơ giây*. Nỗi nhà *tang tóc*, nỗi mình xa xôi. *Liêu-dương* cách trở sơn khê. Chàng ơi, biết *nỗi nước này* cho chưa. Tưởng người *dưới nguyệt* chén đồng. Mái tây đề lạnh *hương nguyền*. Trần *bay lạt khói* gió đưa lay rèm. *Thề hoa* chưa ráo chén vàng. Phút đâu trận *gió*

Đã có bán

Làm bếp giỏi

của Bà VÂN-ĐÀI

— Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi
— Được đặc quyền in bằng giấy tây. Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6$50 — Cước 1$20

Vì tình thế hiện thời, ông Đinh văn Tuệ không ở Hanoi Thư và mandat nào gửi rồi thì thôi. Còn từ sau bạn nào mua sách, cứ gửi thơ cho :

Bà ĐÀO-THI-MINH
118 Phố Duvillier — Hanoi

cuốn cờ đên ngay. Chiếc thoa với bức tờ mây. Một lời tuy có trước xưa. Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông. Hồn còn mang nặng lời thề. Càng âu duyên mới càng dào tình xưa. Rằng trong lắc hợp cơ trời Xuân thu bết đã đổi thay mấy lần. Ở đây của Phật cũng không hẹp gì Ngày xuân dã dễ lính cờ mây khi Gặp tuần đỗ lá thỏa lòng tìm hoa. Mặt mơ tưởng mặt lòng ngao ngán lòng. Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam.

Ông Hy-tiêu, một nhà nho người Bắc vào làm ký-lục tỉnh Bến-tre và là bạn đồng-thi của ông Bửu cũng hưởng ứng mà làm bài vịnh Thúy Kiều như vầy

« Hai lượt lầu xanh, ấy phải lừa,
« Hồng nhan sao phận mỏng như tờ ?
« Tiên thề vườn Thúy không duyên trước,
« Thuyền chực sông Tiền có nước xưa.
« Nặng nghiệp mà đào dư nước mắt,
« Hại người mệnh bạc mấy đường tơ.
« Sắc tài mang lấy càng thêm bận
« Lỡ dịp cung đàn khéo ngẩn ngơ. »

Lấy ở những câu Kiều sau này:

Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần. Lầu xanh quen thói xưa nay. Liều mình thế ấy phải lừa thế kia. Sông Tiền dường dễ ấy mà hồng nhan. Phận sao phận bạc như vôi. Kiều-nhi phận mỏng như tờ. Tiên thề cũng thảo một chương. Vội sang vườn Thúy dỏ la, Đã không duyên trước chỉ mà. Đòng thuyền chực sẵn kết chài ngang sông. Một lời tuy có nước xưa. Số còn nặng nghiệp mà đào khéo dư nước mắt khóc người đời xưa. Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu. Xót người mệnh bạc ấy lắng chẳng quên. Nàng rằng vì nay đường tơ. Hại thày mang lấy sắc tài làm chi. Đã mang lấy nghiệp vào thân. Theo càng thêm bận bết là đi đâu. Làm chi lỡ dịp cho đàn ngang cung. Cung lau lừa những ngày xưa. Đàn khéo ngẩn ngơ giây.

Khi ông Bửu lấy nghĩa bạn thơ gửi điều - luật và hai bài thơ trên hãy cho tôi xem, tôi đã lấy làm thú có vịnh một bài về Thúy Vân như sau :

Trong đạo đàn bà lấy chữ trinh,
Thúy Vân chẳng thẹn với trời xanh.
Hoa cười e lệ càng thêm nẻ,
Ngọc thốt đoan trang giữ lấy mình.
Duyên chỉ buộc vào khôn lẽ chối,
Nghĩa chàng trả được nghĩ mình vinh.
Cho hay trời cũng thương vì nết,
Phúc lộc dồi dào bậc bố kinh.

dùng những câu Kiều như sau này :

Xưa nay trong đạo đàn bà. Đạo lòng phụ lấy chữ trinh làm đầu. Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa. Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen. Hoa cười ngọc thốt đoan trang. Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa. Lòng càng thêm nẻ thêm vì mười phân. Liễu bồ mình giữ lấy mình được hay. Vậy đem duyên chỉ buộc vào cho em. Hết lời khôn lẽ chối lời. Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho suối. Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu-ly. Cho hay là thói hữu tình. Khi nên trời cũng chiều người. Thương vì nết, trọng vì tài. Một nhà phúc lộc gồm hai. Chữ tài chữ mệnh đời đào cả hai. Đã cho vào bậc bố kinh.

Thế là ba chữ tên truyện, mà cũng là ba vai chính trong truyện: Kim, Vân, Kiều đã vịnh xong. Nay nhân ngày kỷ niệm cụ Tiên-Điền sắp tới, tôi giết ra bài này để mời các bạn làng thơ hưởng-ứng vịnh nốt các nhân-vật trong truyện, thiết tưởng cũng là một cuộc chơi vừa tao-nhã vừa lý-thú vậy.

Tùng Thành NGUYỄN NHÚM

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN MẾN

Trong bốn năm cố gắng, Trí Tân đã đi được vững vàng trên đường văn hóa, một phần ủng hộ là nhờ tất cả các bạn độc giả trong năm xứ. Chúng tôi không biết lấy gì cảm tạ, lúc nào cũng chỉ xin hết sức cố gắng để đi đến bước thành công.

Sống tình-hình giấy, mực ngày một khan và đắt, sự hy sinh của chúng tôi có chừng, mong độc-giả lượng xét cho tình thế mà thể tất cho. Vậy bắt đầu từ *1er Juillet 1944*, chúng tôi buộc lòng phải tăng thêm giá báo theo sau đây :

3 tháng	6$00
6 tháng	11$00
1 năm	20$00
mỗi số	0$50

Trong lúc khó khăn này, chúc các bạn độc giả cũng chiều đãi cho và với lòng ủng hộ tờ tạp chí văn hóa đang phải vật-lộn để sống.

Kính đạt
TRI - TÂN

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân tống An-Tư công-chúa vu Thoát-Hoan, dục thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Số 2

Mà không được làm chủ bông hoa kiều diễm kia, An-Tư, đẹp nhất trời Nam!... Ôi chàng lộn xộn, chàng nghĩ đến ngày cưới tưng bừng Nàng đẹp như một tiên nga giáng thế trên kiệu hoa bước xuống, trong một vùng hào quang đỏ rực, giữa những tiếng tì trúc rập rìu... Chợt chàng lại thẹn với mình: đã đến nước này phải để nàng cho người khác, với toàn thân trong trắng. Chiến sĩ đã gánh nặng hai chữ « quân ân » giong ruổi với thanh gươm yên ngựa, há lại đi làm lỡ một đời người, nhất là một người yêu quí? Chàng xấu hổ vì thái độ xàm sỡ ban đầu, và chàng đứng dậy, tra kiếm bên mình, có ý ra đi.

Nàng cũng đứng dậy xát gần chàng, có chiều trách móc. Vương nhớ ra, hối hận vì chưa đáp lời nàng nói Hương thơm của hơi thở An tư lại hoàn toàn chinh phục chàng thanh niên. Vương nói.

— Đa tạ công chúa. Mẫu thân vẫn được khỏe mạnh, và vẫn thường nhắc tới công chúa luôn.

Chàng rầu rầu và nàng rưng rưng muốn khóc. Trống thành vừa điểm canh ba. Nàng nói:

— Vương hãy ngồi chơi. Đã đi đâu vội?

Nhời nói thân tình. Vương phục lòng ngồi xuống, liếc trông thấy nàng hơi tái và vương ái ngại,

Nàng giương đôi mắt phượng đen như huyền, sáng như gương nhìn chàng run rẩn và nói:

— Nay vương đi, mẫu thân thì già, các em còn trẻ, kay vương cho phép tôi về hầu hạ mẫu thân...

Cảm động quá, nàng không nói hết, mím miệng hoa để cầm giọt lệ. Như cái máy, chàng cầm lấy bàn tay ông nuốt, trắng tinh dưới ánh nến và nói:

— Đa tạ công chúa. Đa tạ công chúa. Mẫu thân chắc không nhận đâu, vả ai lại thế.

Nàng để yên cho chàng cầm tay, nghĩ rằng thái độ quỵ thuận của mình có thể đền bù trong muôn một nỗi thiệt thòi của đời chiến sĩ. Vương sợ nàng phật ý nói lảng:

— Mẫu thân gan như sắt đá. Khi ra đi tôi có ý ngần ngại sợ trong buổi loạn lạc này không biết có được yên tuyền không, thì mẫu mẫu thân nói:

« Con cứ đi, mẹ đã có khu xử ». Người không sợ gì, thế giặc cực mạnh mà người bảo không đáng sợ, rút cục thế nào ta cũng đuổi được chúng ra ngoài bờ cõi.

Nàng cười đầy tin tưởng;

— Sao mẫu thân biết?

— Người nói, có ba điều khiến ta vững tâm. Thứ nhất nước ta ngày nay muôn người như một, từ vua đến dân, ai ai cũng một lòng đánh đuổi kẻ thù, cho rằng sống nhục không bằng chết vinh. Hội nghị Diên-hồng càng củng cố thêm tinh thần trung quan ái quốc.

Một câu « xin đánh » của các bô lão cũng đủ 50 vạn hùng binh của Thoát Hoan.

Điều thứ hai là quân đội ta rất mạnh, kỷ luật rất nghiêm, tướng tá kết thành một khối, răm rắp theo lệnh Quốc-công, như đàn con theo cha, thân mật hơn trong gia đình, thiếu đâu có đấy, một tiếng mõ rao muôn người ra trận, không khác chi con dê lở vít được ngay, còn làn sóng to nào tràn qua được nữa?

Điều thứ ba, ấy là Quốc-công tiết chế. Quốc-công cầm quân, biết tùy lúc tiến lui, trông rõ đại cục, gan bền như sắt đá, lượng rộng như bể trời, được lòng cả ba quân lẫn dân chúng, thực là người cứu dân độ thế, chế phục được tất cả những khó khăn. Khi xưa Quốc-công còn trẻ, mới ngoài 20, đương lúc giặc Ngột lương Hợp-Thái sang xâm, vâng lệnh vua Thái Tôn lên giữ mạn Hưng-hóa. Khi ra đi không vội vã, điềm nhiên như ta đi chơi, phụ thân đã khen là « dũng », tất làm nổi đại sự.

— Tôi thấy quân ta thất lợi, vẫn thường lo ngại. Nay vương thuật lại lời mẫu-thân cho, như vén đám mây mờ; mẫu thân thực là người cao kiến.

— Huống chi ngoài Quốc-công ra, còn bao nhiêu người tài trí

giúp giặp : Mưu lược như Chiêu-minh-vương, Chiêu-văn-vương, vũ dũng như Bảo-nghĩa vương, Hưng-đức hầu, Hoài-văn hầu, Nhân-đức hầu, tướng quân Lê phụ Trần. Đấy là những bậc của Tôn-thất triều-đình, ngoài ra còn những anh hùng như Nguyễn Khoái, Nguyễn Thức, Phạm ngũ Lão cùng mấy nghìn môn khách của Quốc-công, đủ cả văn nhân, mưu thần, dũng sĩ, người nào cũng đốc lòng vì nước, kể ra thì nhân tài như rừng nói không hết được. Quân ấy, tướng ấy có lẽ nào lại chịu khuất phục quân thù?

— Còn vương nữa chứ?

— Công chúa nói tôi thêm thẹn. Giặc sang từ tháng một nay đã gần hết năm mà tôi còn ở đây, thực là đắc tội với triều đình, thẹn cùng chúng bạn. Sau ngày Quốc-công duyệt quân ở bến Đông-Bộ đầu, tôi trở về mộ thêm binh, luyện bộ tốt, ai hay giữa lúc giặc sang thì tôi lại bệnh Á

— Đó có phải đâu là mình muốn thế?

— Dẫu sao cũng là cái nhục cho tôi. Nằm trên giường bệnh, gần gần giã ngót một tháng trời, tôi tưởng lâu bằng ngàn năm. Nghe kể những chiến công oanh liệt ngoài biên, những chuyện tử tiết, tử chiến, tôi chỉ biết thở dài, sau lại trở việc quan quân thất lợi ở Khả-li, Lộc-châu, tôi cố lúc thét lên như mình mang tội ấy. Lại sở ruộng vì tiếng mở rao gọi người ra lính, dân gian kéo ra lòng quân rầm rập ngoài đường. Những thủ-đoạn hiền hách của Hoài-văn hầu khiến tôi càng ghen tức. Kể vai vế tôi là chú hầu kể niên sĩ, tôi còn hơn hầu năm tuổi, vậy mà uy danh hầu đã trấn động bốn phương, lá cờ sáu chữ « Phá cường địch báo hoàng ân » đã vẫy bay trên bao chiến trận, giống nòi về vang quân thù thất lắm, cũng hồi đến hầu là tội lỗi lớn, không sao trấn tĩnh được. Có đêm khó chịu và sốt ruột quá, tôi vùng dậy, vỗ gương với lấy chiếc bảo kiếm ra tuyên treo trên tường phương tôi ngã lan xuống đất, kiếm đè lên mình tưởng là chết. Mẫu thân cầm nến đi vào vực tôi lên giường, nghiêm sắc mặt, nhưng tôn tồn bảo tôi không nên nóng nảy, yên lòng thuốc thang thì mới chóng khỏi. Tôi vâng nhời. Và sau mấy hôm kịch liệt, li-bì, tôi dần dần bình phục. Một hôm, tôi lại với thanh kiếm thấy nhẹ, tôi sung sướng, tuy còn lảo đảo nhưng cũng vác kiếm ra khỏi buồng, trông thấy cỏ cây, ánh sáng thực là muôn phần vui vẻ.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY TƯỞNG

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất-bản một giai phẩm về mỹ-thuật

CROQUIS TONKINOIS

của Họa-sĩ MẠNH-QUỲNH

là một tập tranh vẽ thủy-mạc về phong-cảnh, đời sống ở thôn-quê xứ Bắc.

Tập này khổ 26×32, có 20 bức in lên thứ giấy nhung Thăng-Long chế riêng lại hãng Nguyễn quý Kỳ (làng Bưởi), in một mặt, tờ rời, đựng trong kiểu bìa hộp rất mỹ-thuật, do họa-sĩ tự khắc gỗ in tay, rất công-phu.

In có hạn 300 tập, giá mỗi tập là 40$00 cước 2p.00.

Gửi giấy mua và mandat tới địa-chỉ bản-hội, 6 đường P. Pasquier giây nói số 628 (Hanoi).

« Có gửi bán và bán tại G. M. R. Taupin và IDEO, Hanoi. »

QUỐC HỌC THƯ XÃ

Mới phát hành

Luận-luận về **PHỤ NỮ VIỆT NAM** *Giá 2$50*

cuốn sách gối đầu giường của các bà, các cô, gia đình nào cũng phải có.

LỊCH-SỬ BÁO-CHÍ *Giá 2$00*

NGHỆ-THUẬT và DANH-GIÁO 2 50

VIỆT HOA THÔNG SỬ SỬ LƯỢC *Giá 5$00*

các học-giả, các nhà lưu tâm khảo văn hóa đều phải đọc

TÂN HIẾU KINH *Giá 1$20*

có chữ Hán, cuốn sách cần ích cho hết thảy các gia-đình, các học-đường, các giáo dục-sở.

Sắp phát hành

Luận lý **DU-THUYẾT YẾU THUẬT**

ai muốn hiểu thấu khoa Luận-lý-học và thực hành môn Du-thuyết đều phải đọc cuốn sách này, gồm tinh-hoa của khoa Luận-lý, du-thuyết Đông, Tây, cổ kim

Thư đề cho : M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Rue Tientsin Hanoi